**Câu** 1. Bộ máy nhà nước là gì?

A. Là một hệ thống các cơ quan hành chính từ trung ương đến địa phương, được tổ chức theo nguyên tắc chung, tạo thành một cơ cấu đồng bộ để thực hiện chức năng nhà nước.

B. Là một hệ thống các cơ quan trong nước, được tổ chức theo nguyên tắc tập trung dân chủ, thống nhất, tạo thành một cơ cấu đồng bộ để thực hiện chức năng nhà nước.

C. Là một hệ thống các cơ quan từ trung ương đến địa phương, được tổ chức theo nguyên tắc chung, thống nhất, tạo thành một cơ cấu đồng bộ để thực hiện chức năng nhà nước.

D. Là một hệ thống các cơ quan tư pháp, được tổ chức theo nguyên tắc chung, thống nhất, tạo thành một cơ cấu đồng bộ để thực hiện chức năng nhà nước.

**Câu** 2. Trong lịch sử xã hội có giai cấp đã tồn tại mấy hình thái kinh tế xã hội?

A. 3 B. 4

C. 5 D. 6

**Câu** 3. Trong lịch sử xã hội có giai cấp đã tồn tại mấy kiểu nhà nước?

A. 3 B. 4

C. 5 D. 6

**Câu** 4. Các kiểu nhà nước đã tồn tại trong lịch sử xã hội có giai cấp là:

A. Chủ nô, phong kiến, tư sản, xã hội chủ nghĩa.

B. Phong kiến, xã hội chủ nghĩa

C. Phong kiến, tư sản, xã hội chủ nghĩa

D. Chủ nô, tư sản

**Câu** 5. Hình thức nhà nước bao gồm các bộ phận nào?

A. Hình thức chính thể, hình thức cấu trúc, hình thức tổ chức.

B. Hình thức chính thể, hình thức tổ chức, chế độ chính trị.

C. Hình thức cấu trúc, hình thức tổ chức, chế độ chính trị.

D. Hình thức chính thể, hình thức cấu trúc, hình thức quân chủ.

**Câu** 6. Hình thức chính thể cộng hòa có các mô hình nào?

A. Chính thể cộng hòa tổng thống; Chính thể cộng hòa nghị viện; Chính thể cộng hòa nửa tổng thống nửa nghị viện.

B. Chính thể cộng hòa tổng thống; Chính thể cộng hòa nghị viện; Chính thể cộng hòa tổng thống nửa nghị viện.

C. Chính thể cộng hòa nghị viện; Chính thể cộng hòa tổng thống; Chính thể cộng hòa nửa nghị viện tổng thống.

D. Chính thể cộng hòa tổng thống; Chính thể cộng hòa nghị viện; Chính thể cộng hòa vừa tổng thống vừa nghị viện.

**Câu** 7. Các nước theo hình thức chính thể quân chủ tuyệt đối, quyền lực nhà nước tập trung vào ai?

A. Chủ tịch nước B. Nữ hoàng

C. Thủ tướng D. Tổng thống

**Câu** 8. Thủ tướng đứng đầu Chính phủ, Vua là nguyên thủ quốc gia nhưng đóng vai trò tượng trưng, thì nước đó theo hình thức nào?

A. Chính thể quân chủ lập hiến B. Chính thể quân chủ tuyệt đối

C. Chính thể cộng hòa nghị viện D. Chính thể quân chủ hạn chế

**Câu** 9. Thành viên Chính phủ gồm có:

A. Chủ tịch nước, Chủ tịch quốc hội, Thủ tướng và các phó Thủ tướng.

B. Chủ tịch nước, Thủ tướng, các phó Thủ tướng và các Bộ trưởng.

C. Thủ tướng, các phó Thủ tướng, các Bộ trưởng và các Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ.

D. Thủ tướng, các phó Thủ tướng, các Bộ trưởng và các Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ.

**Câu** 10. Nước CHXHCN Việt Nam chia lãnh thổ theo các đơn vị hành chính các cấp sau:

A. Cấp trung ương (tỉnh, thành phố); Cấp huyện (quận, thành phố thuộc tỉnh); Cấp thị xã (phường, thị trấn).

B. Cấp tỉnh (thành phố trực thuộc trung ương); Cấp huyện (thị xã, thành phố thuộc tỉnh); Cấp xã (phường, thị trấn).

C. Cấp tỉnh (thành phố trực thuộc trung ương); Cấp huyện (quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh); Cấp xã (phường, thị tứ).

D. Cấp tỉnh (thành phố trực thuộc trung ương); Cấp huyện (quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh); Cấp xã (phường, thị trấn).

**Câu** 11. Cơ cấu tổ chức bộ máy nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam gồm:

A. Quốc hội; Ủy ban thường vụ Quốc hội; Chủ tịch nước; Chính phủ; Tòa án nhân dân và Viện Kiểm sát nhân dân; Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân.

B. Quốc hội; Ủy ban thường vụ Quốc hội; Chính phủ; Thủ tướng; Tòa án nhân dân và Viện Kiểm sát nhân dân; Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân.

C. Quốc hội; Ủy ban thường vụ Quốc hội; Chủ tịch nước; Chính phủ; Tòa án nhân dân và Viện nhân dân; Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân.

D. Quốc hội; Ủy ban thường vụ Quốc hội; Chính phủ; Tòa án nhân dân và Viện Kiểm sát nhân dân; Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân.

**Câu** 12. Ba trong số những công cụ quản lý hành chính nhà nước gồm:

A. Công sở, công sản, công văn.

B. Công sở, công vụ, quyết định quản lý hành chính nhà nước.

C. Công vụ, công dân, quyết định quản lí hành chính nhà nước.

D. Công sản, công chức, thủ tục hành chính.

**Câu** 13. Các phương pháp của quản lý hành chính là:

A. Phương pháp chính trị; Phương pháp tổ chức; Phương pháp kinh tế; Phương pháp hành chính.

B. Phương pháp kế hoạch hóa; Phương pháp tổ chức; Phương pháp kinh tế; Phương pháp hành chính.

C. Phương pháp giáo dục chính trị - tư tưởng, đạo đức; Phương pháp tổ chức; Phương pháp kinh tế; Phương pháp hành chính.

D. Phương pháp giáo dục chính trị - tư tưởng, đạo đức; Phương pháp thống kê; Phương pháp tổ chức; Phương pháp hành chính.

**Câu** 14. Các phương pháp được dùng trong công tác quản lý nhưng không thuộc phương pháp của quản lý hành chính là:

A. Phương pháp kế hoạch hóa; Phương pháp thống kê; Phương pháp toán học; Phương pháp tâm lý - xã hội học; Phương pháp kinh tế.

B. Phương pháp kế hoạch hóa; Phương pháp thống kê; Phương pháp toán học; Phương pháp tâm lý - xã hội học; Phương pháp sinh lý học.

C. Phương pháp thống kê; Phương pháp toán học; Phương pháp tâm lý - xã hội học; Phương pháp sinh lý học; Phương pháp tổ chức.

D. Phương pháp giáo dục chính trị - tư tưởng, đạo đức; Phương pháp thống kê; Phương pháp toán học; Phương pháp sinh lý học; Phương pháp hành chính.

**Câu** 15. Hình thức chính thể bao gồm những loại nào?

A. Chính thể công hòa B. Chính thể quân chủ

C. Chính thể quân chủ lập hiến D. Chính thể quân chủ, chính thể cộng hòa

**Câu** 16. Hình thức cấu trúc nhà nước bao gồm những loại nào?

A. Nhà nước đơn nhất, nhà nước liên bang B. Nhà nước liên bang

C. Nhà nước phong kiến D. Nhà nước đơn nhất

**Câu** 17. Chế độ chính trị bao gồm những loại nào?

A. Chế độ phân biệt chủng tộc B. Chế độ độc tài

C. Chế độ độc tài, chế độ dân chủ D. Chế độ dân chủ

**Câu** 18. Hình thức chính thể quân chủ bao gồm những loại nào?

A. Chính thể quân chủ tuyệt đối B. Chính thể quân chủ tuyệt đối, quân chủ hạn chế

C. Chính thể quân chủ lập hiến D. Chính thể quân chủ hạn chế

**MỨC 2**:

**Câu** 19. Ba trong số những nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam là:

A. Nguyên tắc nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam chịu sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam; Nguyên tắc nhân dân làm chủ; Nguyên tắc pháp chế.

B. Nguyên tắc đảm bảo sự tham gia đông đảo của nhân dân vào công việc quản lý nhà nước, quản lý xã hội; Nguyên tắc tập trung dân chủ; Nguyên tắc hiến pháp.

C. Nguyên tắc nhân dân tham gia vào công việc lãnh đạo nhà nước, lãnh đạo xã hội; Nguyên tắc tập trung dân chủ; Nguyên tắc pháp chế.

D. Nguyên tắc đảm bảo sự tham gia đông đảo của nhân dân vào công việc quản lý nhà nước, quản lý xã hội; Nguyên tắc tập trung dân chủ; Nguyên tắc pháp chế.

**Câu** 20. Khi nói tới một trật tự pháp chế đòi hỏi phải có:

A. Một hệ thống pháp luật cần và đủ để điều chỉnh các quan hệ xã hội; Pháp luật phải được thực hiện từ các cơ quan nhà nước, các tổ chức xã hội và công dân.

B. Một hệ thống pháp luật cần và đủ để điều chỉnh các quan hệ xã hội; Hiến pháp phải được đưa vào các cơ quan nhà nước, các tổ chức xã hội và công dân.

C. Một hệ thống pháp luật cần phải có để điều chỉnh các quan hệ xã hội; Pháp luật phải được thực hiện từ các cơ quan nhà nước, các tổ chức xã hội và công dân.

D. Một hệ thống pháp luật cần phải đủ để điều chỉnh các quan hệ xã hội; Pháp luật phải được đưa vào các cơ quan nhà nước, các tổ chức xã hội và công dân.

**Câu** 21. Chủ tịch nước có các quyền sau:

A. Đề nghị Quốc hội miễn nhiệm, bãi nhiệm Chánh án tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; Đề nghị các thành viên Chính phủ.

B. Ký công bố các văn bản pháp lệnh của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Đề nghị Quốc hội miễn nhiệm, bãi nhiệm các thành viên Chính phủ.

C. Ký công bố các văn bản luật pháp của Quốc hội; Đề nghị Quốc hội miễn nhiệm, bãi nhiệm Thủ tướng, Chánh án tòa án nhân dân tối cao.

D. Đề nghị Quốc hội miễn nhiệm, bãi nhiệm Chánh án tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; Bổ nhiệm Thủ tướng.

**Câu** 22. Nền hành chính nhà nước bao gồm các yếu tố:

A. Hệ thống văn bản pháp luật; Cơ cấu tổ chức bộ máy nhà nước từ trung ương đến cơ sở; Đội ngũ cán bộ và công chức nhà nước, chế độ công vụ và quy chế công chức.

B. Hệ thống văn bản pháp luật; Các cơ quan giáo dục và đào tạo từ trung ương đến cơ sở; Đội ngũ cán bộ và công chức nhà nước, chế độ công vụ và quy chế công chức.

C. Hệ thống văn bằng chứng chỉ; Cơ cấu tổ chức bộ máy nhà nước từ trung ương đến cơ sở; Đội ngũ cán bộ và công chức nhà nước, chế độ công vụ và quy chế công chức.

D. Hệ thống văn bản pháp luật; Cơ cấu tổ chức bộ máy nhà nước từ trung ương đến cơ sở; Thủ trưởng các cơ quan hành chính và công chức nhà nước, chế độ công vụ và quy chế công chức.

**Câu** 23. Quản lý hành chính nhà nước là gì?

A. Là việc tổ chức thực thi quyền hành pháp để quản lý, điều hành các cơ quan hành chính sự nghiệp.

B. Là việc tổ chức thực thi quyền hành pháp để quản lý, điều hành các lĩnh vực đời sống xã hội bằng pháp luật và theo pháp luật.

C. Là việc giao quyền cho các cơ quan hành pháp để quản lý, điều hành các lĩnh vực đời sống xã hội bằng pháp luật và theo pháp luật.

D. Là việc tổ chức thực thi ba quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp để quản lý, điều hành các lĩnh vực đời sống xã hội bằng pháp luật và theo pháp luật.

**Câu** 24. Năm trong số những tính chất chủ yếu của nền hành chính nhà nước CHXHCN Việt Nam là:

A. Tính pháp luật; Tính chuyên môn hóa nghiệp vụ cao; Tính hệ thống thứ bậc chặt chẽ; Tính không vụ lợi cá nhân; Tính nhân đạo.

B. Tính lệ thuộc vào chính trị và hệ thống chính trị; Tính pháp luật; Tính chuyên môn hóa nghiệp vụ cao; Tính không hối lộ; Tính nhân đạo.

C. Tính lệ thuộc vào chính trị và hệ thống chính trị; Tính thường xuyên, ổn định và thích nghi; Tính chuyên nghiệp cao; Tính hệ thống thứ bậc chặt chẽ; Tính không vụ lợi cá nhân.

D. Tính lệ thuộc vào chính trị và hệ thống chính trị; Tính hiến pháp; Tính thường xuyên, ổn định và thích nghi; Tính chuyên môn hóa nghiệp vụ cao; Tính hệ thống thứ bậc chặt chẽ.

**Câu** 25. Công sở là gì?

A. Là nơi công chức và nhân viên thực thi công vụ, là nơi giao tiếp đối nội, đối ngoại, tiếp nhận các thông tin, là nơi tổ chức thực hiện công văn.

B. Là nơi giao tiếp đối nội, đối ngoại, tiếp nhận các thông tin, là nơi ban hành các nghị quyết và tổ chức thực hiện, là nơi bảo quản công sản.

C. Là trụ sở làm việc của cơ quan hành chính nhà nước, là nơi giao tiếp đối nội, đối ngoại, tiếp nhận các thông tin, là nơi ban hành các quyết định và tổ chức thực hiện.

D. Là trụ sở làm việc của cơ quan hành chính nhà nước, là nơi công chức và nhân viên thực thi công vụ, là nơi diễn ra việc trao đổi hàng hóa giữa các doanh nghiệp.

**Câu** 26. Bộ trưởng có vai trò:

A. Là thành viên của Chính phủ; Là người đứng đầu về quản lý hành chính nhà nước của một Bộ, ngành hay lĩnh vực.

B. Là thành viên của Chính phủ; Là người đứng đầu về quản lý hành chính nhà nước của một địa phương.

C. Là người đứng đầu về quản lý hành chính nhà nước của một Bộ, ngành hay lĩnh vực; Là thành viên của Hội đồng nhà nước.

D. Là người đứng đầu về quản lý hành chính nhà nước của một Bộ, ngành hay lĩnh vực; Là người quản lý các Chủ tịch UBND tỉnh.

**Câu** 27. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có vai trò:

A. Là người đứng đầu về quản lý hành chính nhà nước ở địa phương; Là thành viên của Chính phủ.

B. Là thành viên của HĐND tỉnh; Là người đứng đầu về quản lý một ngành hay lĩnh vực ở địa phương.

C. Là người đứng đầu về quản lý hành chính nhà nước ở địa phương; Là thành viên của Quốc hội.

D. Là thành viên của HĐND tỉnh; Là người đứng đầu về quản lý hành chính nhà nước ở địa phương.

**Câu** 28. Quyết định quản lý hành chính nhà nước phải bảo đảm các yêu cầu sau:

A. Tính chính trị, tính hợp pháp và tính hợp lý; Tính quần chúng; Tính khoa học; Tính thẩm quyền; Tính cụ thể, kịp thời, khả thi và đúng văn bản pháp chế.

B. Tính chính trị, tính hợp pháp và tính hợp lý; Tính công dân; Tính khoa học; Tính thẩm quyền; Tính cụ thể, kịp thời, khả thi và đúng văn bản pháp chế.

C. Tính chính trị, tính hợp pháp và tính hợp lý; Tính quần chúng; Tính toán học; Tính thẩm quyền; Tính cụ thể, kịp thời, khả thi và đúng văn bản pháp chế.

D. Tính chính trị, tính hợp pháp và tính hợp lý; Tính quần chúng; Tính khoa học; Tính uy quyền; Tính cụ thể, kịp thời, khả thi và đúng văn bản pháp chế.

**Câu** 29. Đứng đầu Chính phủ Việt Nam là người nào?

A. Chủ tịch Quốc hội B. Thủ tướng

C. Chủ tịch nước D. Tổng Bí thư

**Câu** 30. Ở Trung ương, cá nhân (hoặc cơ quan) nào được ban hành Quyết định (văn bản quy phạm pháp luật)?

A. Chủ tịch nước; Thủ tướng; Tổng Kiểm toán nhà nước.

B. Quốc hội; Chủ tịch nước; Thủ tướng.

C. Chủ tịch nước; Thủ tướng; Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

D. Ủy ban thường vụ Quốc hội; Thủ tướng; Tổng Kiểm toán nhà nước.

**Câu** 31. Ở Trung ương, cá nhân (hoặc cơ quan) nào được ban hành Thông tư (văn bản quy phạm pháp luật)?

A. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; Bộ trưởng Bộ Y tế; Chủ tịch nước.

B. Tổng thanh tra chính phủ; Bộ trưởng chủ nhiệm Ủy ban dân tộc; Thủ tướng.

C. Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ; Tổng Thanh tra chính phủ.

D. Thủ tướng; Thống đốc Ngân hàng nhà nước Việt Nam; Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

**Câu** 32. Ở Trung ương, cơ quan (hoặc cá nhân) nào được ban hành Nghị quyết (văn bản quy phạm pháp luật)?

A. Ủy ban thường vụ Quốc hội; Chính phủ; Quốc hội.

B. Quốc hội; Chính phủ; Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

C. Quốc hội; Ủy ban thường vụ Quốc hội; Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

D. Quốc hội; Ủy ban thường vụ Quốc hội; Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

**Câu** 33. Quốc hội được ban hành các loại văn bản nào?

A. Nghị định, Luật, Nghị quyết B. Hiến pháp, Lệnh, Nghị quyết

C. Hiến pháp, Luật, Nghị quyết D. Hiến pháp, Pháp lệnh, Nghị quyết

**Câu** 34. Chủ tịch nước được ban hành loại văn bản nào?

A. Lệnh, Quyết định B. Lệnh, Nghị quyết

C. Quyết định, Thông tư D. Luật, Quyết định

**Câu** 35. Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội do cá nhân (hoặc cơ quan) nào bổ nhiệm (hay bầu)?

A. Quốc hội B. Chủ tịch nước

C. Thủ tướng D. Chính phủ

**Câu** 36. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh do cá nhân nào bổ nhiệm?

A. Chủ tịch UBND tỉnh Trà Vinh B. Viện trưởng VKSND trung ương

C. Viện trưởng VKSND tối cao D. Chủ tịch HĐND tỉnh Trà Vinh

**Câu** 37. Chánh án Tòa án nhân dân tối cao do cá nhân (hay cơ quan) nào bãi nhiệm?

A. Quốc hội B. Chủ tịch nước

C. Thủ tướng D. Chính phủ

**Câu** 38 Nhà nước liên bang là:

A. Nhà nước có một hệ thống cơ quan nhà nước cho cả nước.

B. Nhà nước có một hệ thống cơ quan quyền lực.

C. Nhà nước có một hệ thống cơ quan hành chính.

D. Nhà nước có từ hai thành viên trở lên hợp thành.

**Câu** 39. Quản lý nhà nước là gì?

A. Là sự chỉ huy, điều hành xã hội để thực thi quyền lực nhà nước.

B. Quản lý nhà nước ra đời cùng với sự xuất hiện của nhà nước.

C. Là quản lý hành vi của cá nhân.

D. Là thực hiện chức năng của nhà nước.

**Câu** 40. Phương pháp kinh tế dùng trong quản lý hành chính nhà nước là:

A. Tác động đến khách thể quản lý bằng mệnh lệnh hành chính.

B. Đưa con người vào khuôn khổ, kỷ luật, kỷ cương.

C. Tác động về tinh thần và tư tưởng con người.

D. Tác động đến khách thể quản lý dựa trên lợi ích vật chất và đòn bẩy kinh tế.

**Câu** 41. Phương pháp hành chính dùng trong quản lý hành chính nhà nước là:

A. Tác động về tinh thần và tư tưởng con người.

B. Đưa con người vào khuôn khổ, kỷ luật, kỷ cương.

C. Tác động đến khách thể quản lý bằng mệnh lệnh hành chính

D. Tác động đến khách thể quản lý dựa trên lợi ích vật chất và đòn bẩy kinh tế.

**Câu** 42. Phương pháp giáo dục chính trị - tư tưởng, đạo đức trong quản lý hành chính nhà nước là:

A. Tác động về tinh thần và tư tưởng con người.

B. Đưa con người vào khuôn khổ, kỷ luật, kỷ cương.

C. Tác động đến khách thể quản lý bằng mệnh lệnh hành chính.

D. Tác động đến khách thể quản lý dựa trên lợi ích vật chất và đòn bẩy kinh tế.

**Câu** 43. Nội dung nguyên tắc Đảng lãnh đạo là:

A. Mọi người có quyền khiếu nại, tố cáo.

B. Đưa con người vào khuôn khổ, kỷ luật, kỷ cương.

C. Tác động về tinh thần và tư tưởng con người.

D. Tuyên truyền, thuyết phục, đảng viên gương mẫu, công tác tổ chức cán bộ

**Câu** 44. Nội dung nguyên tắc tập trung dân chủ là:

A. Mọi người có quyền khiếu nại, tố cáo.

B. Đưa con người vào khuôn khổ, kỷ luật, kỷ cương.

C. Tác động về tinh thần và tư tưởng con người.

D. Thông qua hoạt động của một số cơ quan như: Quốc hội, chính phủ, các cơ quan tư pháp

**Câu** 45. Quốc hội là:

A. Cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất.

B. Người đứng đầu nhà nước.

C. Cơ quan hành chính nhà nước cao nhất.

D. Người đứng đầu chính phủ.

**MỨC 3**:

**Câu** 46. UBND tỉnh M chịu sự quản lý của cơ quan nào?

A. HĐND tỉnh M và Chính phủ B. Quốc hội

C. HĐND tỉnh M D. Chính phủ

**Câu** 47. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh P chịu sự quản lý của cơ quan nào?

A. UBND tỉnh P và Bộ LĐ - TB và XH B. UBND tỉnh P và Văn phòng chính phủ

C. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội D. UBND tỉnh P

**Câu** 48. Tòa án quân sự khu vực Q chịu sự quản lý của cơ quan nào?

A. Tòa án quân sự tối cao B. Tòa án nhân dân tối cao

C. UBND khu vực Q và Tòa án nhân dân tối cao D. Tòa án quân sự trung ương

**Câu** 49. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Y chịu sự quản lý của cơ quan nào?

A. Viện kiểm sát nhân dân tối cao B. Thanh tra chính phủ

C. UBND tỉnh Y D. Viện kiểm sát nhân dân trung ương

**Câu** 50. HĐND tỉnh H chịu sự quản lý của cơ quan nào?

A. UBND tỉnh H B. Quốc hội

C. UBND tỉnh H và Quốc hội D. Chính phủ

**Câu** 51. UBND thành phố Cần Thơ chịu sự quản lý của cơ quan nào?

A. HĐND thành phố Cần Thơ và Chính phủ B. HĐND thành phố Cần Thơ và Quốc hội

C. Chính phủ D. HĐND thành phố Cần Thơ

**Câu** 52. Sở Giáo dục và Đào tạo Vĩnh Long chịu sự quản lý của cơ quan nào?

A. Bộ Giáo dục và Đào tạo B. UBND tỉnh Vĩnh Long và Chính phủ

C. UBND tỉnh Vĩnh Long và Bộ GD và ĐT D. UBND tỉnh Vĩnh Long

**Câu** 53. Viện kiểm sát nhân dân là cơ quan thực hiện chức năng:

A. Thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp.

B. Thực hành quyền công tố.

C. Kiểm sát hoạt động tư pháp.

D. Cơ quan thực hiện chức năng xét xử.

**Câu** 54. Tòa án nhân dân là cơ quan thực hiện chức năng:

A. Xét xử B. Giám sát.

C. Khởi tố D. Truy tố

**Câu** 55. Hội đồng nhân dân là:

A. Cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương.

B. Cơ quan hành chính nhà nước.

C. Cơ quan tư pháp.

D. Cơ quan thực hiện chức năng xét xử.

**Câu** 56. Ủy ban nhân dân là:

A. Cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương.

B. Cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương

C. Cơ quan tư pháp.

D. Cơ quan thực hiện chức năng xét xử.

**Câu** 57. Hệ thống tòa án được phân thành:

A. Tòa án nhân dân và tòa án quân sự.

B. Tòa án nhân dân.

C. Tòa án quân sự.

D. Tòa án nhân dân tối cao.

**Câu** 58. Chủ thể quản lý nhà nước về giáo dục là:

A. Các cơ quan lập pháp, hành pháp, tư pháp; chủ thể trực tiếp là bộ máy quản lý giáo dục từ trung ương đến cơ sở.

B. Các cơ quan lập pháp, hành pháp, tư pháp; chủ thể trực tiếp là bộ máy quản lý giáo dục từ trung ương đến địa phương.

C. Các cơ quan lập pháp, hành pháp; chủ thể trực tiếp là bộ máy quản lý giáo dục từ trung ương đến cơ sở.

D. Các cơ quan lập hiến, hành pháp, tư pháp; chủ thể trực tiếp là bộ máy quản lý giáo dục từ trung ương đến cơ sở.

**Câu** 59. Đối tượng của quản lý nhà nước về giáo dục là:

A. Hệ thống giáo dục quốc dân, là mọi hoạt động giáo dục và đào tạo trong phạm vi cả nước.

B. Hệ thống giáo dục quốc dân, là tất cả trường học trong phạm vi cả nước.

C. Các cơ sở giáo dục, là tất cả sinh viên học sinh trong phạm vi cả nước.

D. Các cơ sở giáo dục, là mọi hoạt động giáo dục và đào tạo trong phạm vi cả nước.

**Câu** 60. Mục tiêu của giáo dục và đào tạo là:

A. Nâng cao dân trí, đào tạo nhân tài, bồi dưỡng nhân lực và hoàn thiện nhân cách cho công dân..

B. Nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài và hoàn thiện nhân cách cho công dân

C. Nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân cách và hoàn thiện nhân tài cho công dân.

D. Nâng cao trí tuệ, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài và hoàn thiện nhân cách cho công dân.

**Câu** 61. Tính chất của quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo gồm:

A. Tính lệ thuộc vào chính trị; Tính xã hội; Tính pháp quyền; Tính chuyên môn nghiệp vụ; Tính hiệu lực, hiệu quả.

B. Tính lệ thuộc vào chính trị; Tính nhân đạo; Tính pháp quyền; Tính chuyên môn nghiệp vụ; Tính hiệu lực, hiệu quả.

C. Tính lệ thuộc vào chính trị; Tính pháp quyền; Tính chuyên môn nghiệp vụ; Tính nhân đạo; Tính hiệu lực, hiệu quả..

D. Tính lệ thuộc vào chính trị; Tính hệ thống thứ bậc chặt chẽ; Tính pháp quyền; Tính chuyên môn nghiệp vụ; Tính hiệu lực, hiệu quả

**Câu** 62. Một trong những tính chất của quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo là “Tính lệ thuộc vào chính trị”, có nêu:

A. Quản lý nhà nước về giáo dục phục tùng và phục vụ nhiệm vụ chính trị; tuân thủ chủ trương đường lối của Đảng và nhà nước.

B. Giáo dục là sự nghiệp của nhà nước và của toàn xã hội, giáo dục phải phục tùng và phục vụ nhiệm vụ chính trị.

C. Quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo cần phải coi trọng nhiệm vụ chính trị, luôn phát triển trong mối quan hệ với sự phát triển của kinh tế xã hội.

D. Quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo cũng phải tuân thủ hành lang pháp lý, tuân thủ chủ trương đường lối của Đảng và nhà nước.

**Câu** 63. Một trong những tính chất của quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo là “Tính chuyên môn nghiệp vụ”, có nêu:

A. Cán bộ, công chức hoạt động trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo cần phải biết ngoại ngữ để giao tiếp với nước ngoài.

B. Cán bộ, công chức hoạt động trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo cần có trình độ cao phù hợp với tiêu chuẩn ngạch, bậc đã được quy định.

C. Cán bộ, công chức hoạt động trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo cần được đào tạo có trình độ tương ứng với yêu cầu về tiêu chuẩn các ngạch, chức danh đã được quy định.

D. Cán bộ, công chức hoạt động trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo cần phải nắm vững các quy định về tiêu chuẩn ngạch, chức danh đã được quy định.

**Câu** 64. Tính hiệu lực, hiệu quả trong quản lí giáo dục và đào tạo nghĩa là:

A. Lấy hiệu quả của hoạt động chuyên môn nghiệp vụ để đánh giá cán bộ công chức ngành giáo dục và đào tạo.

B. Lấy trình độ, năng lực, uy tín của các cơ sở giáo dục và đào tạo để đánh giá cán bộ công chức ngành giáo dục và đào tạo.

C. Lấy kết quả học tập của sinh viên học sinh để đánh giá cán bộ công chức ngành giáo dục và đào tạo.

D. Lấy kết quả đào tạo của cơ sở giáo dục và đào tạo để đánh giá cán bộ công chức ngành giáo dục và đào tạo.

**Câu** 65. Hai trong những đặc điểm của quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo gồm:

A. Kết hợp quản lý hành chính và quản lý chuyên môn trong các hoạt động quản lý giáo dục; Kết hợp nhà nước - xã hội trong quá trình triển khai quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo.

B. Tính quyền lực nhà nước trong hoạt động quản lý; Kết hợp địa phương - trung ương trong quá trình triển khai quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo.

C. Kết hợp quản lý hành chính và quản lý chuyên môn trong các hoạt động quản lý giáo dục; Kết hợp ngành - lãnh thổ trong quá trình triển khai quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo.

D. Tính độc quyền của nhà nước trong hoạt động quản lý; Kết hợp nhà nước - xã hội trong quá trình triển khai quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo.

**Câu** 66. Mục tiêu cụ thể đối với giáo dục phổ thông đến năm 2020 là:

A. Tỉ lệ đi học đúng tuổi ở tiểu học là 99%, trung học cơ sở là 95%, 80% thanh niên trong độ tuổi đạt trình độ học vấn THPT, 70% trẻ em khuyết tật được đi học.

B. Tỉ lệ đi học đúng tuổi ở tiểu học là 99%, trung học cơ sở là 95%.

C. 80% thanh niên trong độ tuổi đạt trình độ học vấn THPT, 70% trẻ em khuyết tật được đi học.

D. 100% xóa mù chữ.

**Câu** 67. Mục tiêu cụ thể đối với giáo dục mầm non đến năm 2020 là:

A. Ít nhất 30% trẻ em tuổi nhà trẻ và 80% trẻ em tuổi mẫu giáo được chăm sóc, giáo dục tại cơ sở giáo dục mầm non.

B. Ít nhất 30% trẻ em tuổi nhà trẻ được chăm sóc, giáo dục tại cơ sở giáo dục mầm non.

C. 80% trẻ em tuổi mẫu giáo được chăm sóc, giáo dục tại cơ sở giáo dục mầm non.

D. 100% trẻ em được giáo dục mầm non.

**Câu** 68. Nguyên tắc tập trung dân chủ trong quản lý giáo dục và đào tạo là:

A. Nhà nước thống nhất, tập trung quản lý về chế độ, chính sách, mục tiêu, nội dung giáo dục.

B. Tổ chức bộ máy quản lý giáo dục.

C. Huy động nguồn lực phát triển sự nghiệp giáo dục.

D. Thanh tra hoạt động giáo dục.

**Câu** 69. Cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo ở trung ương là:

A. Hội đồng nhân dân

B. Ủy ban nhân dân

C. Chính phủ

D. Thanh tra nhân dân.

**Câu** 70. Cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo ở địa phương là:

A. Ủy ban nhân dân

B. Chính phủ

C. Hội đồng nhân dân

D. Thanh tra nhân dân.

**Câu** 71. Cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo có thẩm quyền chuyên môn ở địa phương là:

A. Sở giáo dục và đào tạo

B. Chính phủ

C. Hội đồng nhân dân

D. Thanh tra nhân dân.

**Câu** 72. Nguyên tắc quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo là:

A. Nguyên tắc kết hợp quản lý theo ngành và quản lý theo lãnh thổ; Nguyên tắc tập trung dân chủ trong quản lý giáo dục và đào tạo.

B. Nguyên tắc kết hợp quản lý theo ngành và quản lý theo lãnh thổ; Nguyên tắc công khai hóa trong quản lý giáo dục và đào tạo.

C. Nguyên tắc kết hợp quản lý theo vùng và quản lý theo lãnh thổ; Nguyên tắc tập trung dân chủ trong quản lý giáo dục và đào tạo.

D. Nguyên tắc kết hợp quản lý theo ngành và quản lý theo lãnh thổ; Nguyên tắc pháp chế trong quản lý giáo dục và đào tạo.

**Câu** 73. Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Giáo dục và Đào tạo trong quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo là:

A. Xét duyệt và cho phát hành các loại sách giáo khoa; Quy định thể lệ cấp phát và thu hồi văn bằng; Xây dựng tiêu chuẩn định mức giáo viên.

B. Xét duyệt và cho phát hành các loại sách giáo khoa; Xây dựng tiêu chuẩn định mức giáo viên; Quyết định kế hoạch phát triển giáo dục của địa phương.

C. Quy định thể lệ cấp phát và thu hồi văn bằng; Xây dựng tiêu chuẩn định mức giáo viên; Quản lý các trường, các cơ sở giáo dục trên cả nước.

D. Quy định thể lệ cấp phát và thu hồi văn bằng; Thực hiện chức năng thanh tra giáo dục trong cả nước; Giám sát việc thi hành pháp luật và chủ trương chính sách về giáo dục ở địa phương.

**Câu** 74. Hai trong số những nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân trong việc quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo là:

A. Xây dựng và chỉ đạo thực hiện kế hoạch phát triển giáo dục, bảo đảm các điều kiện cho các hoạt động giáo dục trên phạm vi tỉnh; Quản lý các trường, các cơ sở giáo dục theo sự phân cấp.

B. Quản lý các trường, các cơ sở giáo dục theo sự phân cấp; Chỉ đạo thực hiện xã hội hóa giáo dục, tổ chức thực hiện phổ cập, xóa mù chữ. C. Thực hiện kế hoạch phát triển đào tạo, bảo đảm điều kiện cho các hoạt động sự nghiệp giáo dục trên địa bàn; Chỉ đạo thực hiện xã hội hóa giáo dục, tổ chức thực hiện phổ cập, xóa mù chữ.

D. Quản lý các trường, các cơ sở giáo dục theo sự phân cấp; Thực hiện xã hội hóa giáo dục, thực hiện phổ cập, xóa mù chữ.

**Câu** 75. Hai trong số những nội dung quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo là:

A. Tổ chức bộ máy quản lý giáo dục; Thanh tra, kiểm soát nhằm thiết lập trật tự kỷ cương pháp luật trong hoạt động quản lý giáo dục và phát triển sự nghiệp giáo dục.

B. Hoạch định chính sách cho giáo dục và đào tạo, lập pháp và lập quy cho các hoạt động giáo dục và đào tạo, thực hiện quyền hành pháp trong quản lý giáo dục; Tổ chức bộ máy nhà nước.

C. Huy động nguồn lực từ nước ngoài để phát triển giáo dục; Thanh tra, kiểm soát nhằm thiết lập trật tự kỷ cương pháp luật trong hoạt động giáo dục và phát triển sự nghiệp giáo dục.

D. Thanh tra, kiểm soát nhằm thiết lập trật tự kỷ cương pháp luật trong hoạt động quản lý giáo dục và phát triển sự nghiệp giáo dục; Huy động các nguồn lực để xã hội hóa giáo dục.

**Câu** 76. Hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo cấp Trung ương gồm:

A. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về giáo dục; Bộ Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về giáo dục.

B. Thủ tướng thống nhất quản lý nhà nước về giáo dục; Bộ Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về giáo dục.

C. Quốc hội thống nhất quản lý nhà nước về giáo dục; Bộ Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về giáo dục.

D. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về giáo dục; Các Bộ chịu trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về giáo dục.

**Câu** 77. Hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo cấp tỉnh gồm:

A. Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về giáo dục ở tỉnh; Sở Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về giáo dục trong phạm vi tỉnh.

B. Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về giáo dục ở tỉnh; Sở Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về giáo dục trong phạm vi tỉnh.

C. Sở Giáo dục - Đào tạo và Phòng Giáo dục - Đào tạo chịu trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về giáo dục trong phạm vi tỉnh.

D. Bộ Giáo dục - Đào tạo và Sở Giáo dục - Đào tạo chịu trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về giáo dục trong phạm vi tỉnh.

**Câu** 78. Hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo cấp huyện gồm:

A. Sở Giáo dục - Đào tạo và Phòng Giáo dục - Đào tạo chịu trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về giáo dục trong phạm vi huyện.

B. Hội đồng nhân dân huyện thực hiện quản lý nhà nước về giáo dục ở huyện; Phòng Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về giáo dục trong phạm vi huyện.

C. Ủy ban nhân dân huyện thực hiện quản lý nhà nước về giáo dục ở huyện; Phòng Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về giáo dục trong phạm vi huyện.

D. Ủy ban nhân dân huyện thực hiện quản lý nhà nước về giáo dục ở huyện; Các trường trong huyện chịu trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về giáo dục trong phạm vi huyện.

**Câu** 79. Nội dung quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo đối với Bộ Giáo dục và Đào tạo là:

A. Xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển ngành; Xây dựng cơ chế chính sách và quy chế quản lý nội dung và chất lượng giáo dục và đào tạo; Tổ chức thanh tra, kiểm tra và thẩm định.

B. Xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển ngành; Xây dựng cơ chế chính sách và quy chế quản lý nội dung và chất lượng giáo dục và đào tạo; Tổ chức đánh giá và thẩm định.

C. Xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển ngành; Xây dựng cơ chế chính sách và quy chế quản lý các cơ sở giáo dục và đào tạo; Tổ chức thanh tra, kiểm tra và thẩm định.

D. Xây dựng mục tiêu phát triển ngành; Xây dựng cơ chế chính sách và quy chế quản lý nội dung và chất lượng giáo dục và đào tạo; Tổ chức thanh tra, kiểm tra và thẩm định.

**Câu** 80. Hai trong số những nội dung quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo đối với các cấp địa phương (tỉnh, huyện, cơ quan chuyên môn là Sở, Phòng Giáo dục và Đào tạo) là:

A. Xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển giáo dục địa phương và chỉ đạo thực hiện; Thực hiện kiểm tra, thanh tra giáo dục ở địa phương.

B. Quản lý chuyên môn nghiệp vụ các trường theo sự phân cấp và quản lý nhà nước về các hoạt động giáo dục ở địa phương; Thực hiện đánh giá chất lượng giáo dục ở địa phương.

C. Xây dựng mục tiêu phát triển giáo dục địa phương và chỉ đạo thực hiện; Quản lý các trường theo sự phân cấp và quản lý nhà nước về các hoạt động giáo dục ở địa phương.

D. Xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển giáo dục địa phương và chỉ đạo thực hiện; Thực hiện đánh giá chất lượng giáo dục ở địa phương.

**Câu** 81. Hai trong những quan điểm chỉ đạo phát triển giáo dục đến năm 2020 là:

A. Phát triển giáo dục phải thực sự là quốc sách hàng đầu, là sự nghiệp của Đảng, nhà nước và của toàn dân; Hội nhập quốc tế sâu, rộng về giáo dục trên cơ sở bảo tồn và phát huy bản sắc dân tộc, giữ vững độc lập, tự chủ, định hướng xã hội chủ nghĩa.

B. Phát triển giáo dục phải thực sự là quốc sách hàng đầu, là sự nghiệp của Đảng, nhà nước và của toàn dân; Xây dựng nền giáo dục có tính phát triển, dân tộc, tiên tiến, hiện đại, xã hội chủ nghĩa.

C. Xây dựng nền giáo dục có tính nhân dân, dân tộc, tiên tiến, hiện đại, xã hội chủ nghĩa; Đổi mới sâu rộng, toàn diện nền giáo dục theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa, dân chủ hóa.

D. Đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa, dân chủ hóa; Hội nhập thế giới trên cơ sở bảo tồn và phát huy bản sắc dân tộc, giữ vững độc lập, tự chủ, định hướng xã hội chủ nghĩa.

**Câu** 82. Một trong những quan điểm chỉ đạo phát triển giáo dục đến năm 2020 là “Phát triển giáo dục phải thực sự là quốc sách hàng đầu, là sự nghiệp của Đảng, nhà nước và của toàn dân”, có nêu:

A. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của nhà nước, nâng cao vai trò các tổ chức, đoàn thể chính trị, kinh tế, xã hội trong phát triển giáo dục.

B. Tăng cường sự lãnh đạo của nhà nước, sự quản lý của Đảng, nâng cao vai trò các tổ chức, đoàn thể chính trị, kinh tế, xã hội trong phát triển giáo dục.

C. Thực hiện các chính sách ưu đãi như tăng tiền lương cho nhà giáo, ưu tiên cho giáo viên vùng sâu vùng xa.

D. Thực hiện chính sách hỗ trợ kinh phí để xây dựng cơ sở vật chất cho các trường, đặc biệt là những trường ở vùng sâu vùng xa.

**Câu** 83. Một trong những quan điểm chỉ đạo phát triển giáo dục đến năm 2020 là “Xây dựng nền giáo dục có tính nhân dân, dân tộc, tiên tiến, hiện đại, xã hội chủ nghĩa, lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng”, có nêu:

A. Xây dựng xã hội học tập, tạo cơ hội bình đẳng để ai cũng được học, học suốt đời, đặc biệt đối với người dân tộc thiểu số, người nghèo, con em diện chính sách.

B. Thực hiện các chính sách ưu đãi như tăng tiền lương cho nhà giáo, ưu tiên cho giáo viên vùng sâu vùng xa.

C. Xây dựng xã hội học tập, tạo điều kiện để ai cũng được học suốt đời, tham gia giao lưu hợp tác với các nước trên thế giới.

D. Thực hiện chính sách hỗ trợ kinh phí để xây dựng cơ sở vật chất cho các trường, đặc biệt là những trường ở vùng sâu vùng xa.

**Câu** 84. Một trong những quan điểm chỉ đạo phát triển giáo dục đến năm 2020 là “Hội nhập quốc tế sâu, rộng về giáo dục trên cơ sở bảo tồn và phát huy bản sắc dân tộc, giữ vững độc lập, tự chủ, định hướng xã hội chủ nghĩa”, có nêu:

A. Mở rộng giao lưu hợp tác với các nền giáo dục trên thế giới, nhất là với các nền giáo dục tiên tiến hiện đại; phát hiện và khai thác kịp thời các cơ hội thu hút nguồn lực có chất lượng.

B. Mở rộng giao lưu hợp tác với các nền giáo dục trên thế giới, nhất là với các nước láng giềnh; khai thác nguồn đầu tư nước ngoài.

C. Xây dựng nền giáo dục có tính nhân dân, dân tộc, tiên tiến, hiện đại, xã hội chủ nghĩa, toàn diện theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa, dân chủ hóa.

D. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao vai trò các tổ chức, đoàn thể chính trị, kinh tế, xã hội trong phát triển giáo dục; mở rộng hợp tác quốc tế.

**Câu** 85. Một trong những quan điểm chỉ đạo phát triển giáo dục đến năm 2020 là “Đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa, dân chủ hóa, hội nhập quốc tế, thích ứng với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”, có nêu:

A. Phát triển giáo dục gắn với phát triển khoa học và công nghệ, tập trung vào nâng cao chất lượng, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, đảm bảo an ninh quốc phòng.

B. Phát triển giáo dục gắn với phát triển nhà trường, tập trung vào nâng cao năng suất lao động nhằm đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

C. Mở rộng giao lưu hợp tác với các nền giáo dục trên thế giới, nhất là với các nền giáo dục tiên tiến hiện đại; phát hiện và khai thác kịp thời các cơ hội thu hút nguồn lực có chất lượng.

D. Xây dựng xã hội học tập, tạo cơ hội bình đẳng để ai cũng được học, học suốt đời, đặc biệt đối với người dân tộc thiểu số, người nghèo, con em diện chính sách.

**Câu** 86. Một trong các cơ quan có nhiệm vụ thực hiện chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2020 là:

A. Bộ Giáo dục và Đào tào, Bộ Khoa học và Công nghệ.

B. Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở tài chính

C. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo.

D. Bộ Giáo dục và Đào tào, Sở Giáo dục và Đào tạo.

**Câu** 87. Tính quyền lực nhà nước trong hoạt động quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo có nêu:

A. Phương tiện quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo là các văn bản quy phạm pháp luật.

B. Quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo là một hoạt động mang tính xã hội cao.

C. Quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo là thực hiện chức năng giáo dục.

D. Quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo là một tư tưởng có tính chiến lược.

**Câu** 88. Một trong các cơ quan có nhiệm vụ thực hiện chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2020 là:

A. Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài chính

B. Bộ Giáo dục và Đào tào, Sở Tài chính

C. Ủy ban nhân dân thành phố trực thuộc trung ương, Sở Giáo dục và Đào tạo.

D. Hội đồng Quốc gia giáo dục và Phát triển nhân lực, Bộ Tài chính.

**Câu** 89. Cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo có thẩm quyền chung ở địa phương là:

A. Ủy ban nhân dân

B. Chính phủ

C. Hội đồng nhân dân

D. Thanh tra nhân dân.

**Câu** 90. Cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo có thẩm quyền chuyên môn ở trung ương là:

A. Hội đồng nhân dân

B. Chính phủ

C. Bộ giáo dục và đào tạo

D. Thanh tra nhân dân.

**Câu** 91. Giải pháp đổi mới quản lý giáo dục giai đoạn 2011 - 2020 là:

A. Hoàn thiện hệ thống pháp luật và hoàn thiện hệ thống giáo dục.

B. Tham khảo chương trình của các nước.

C. Đổi mới chương trình, tài liệu

D. Đổi mới phương pháp dạy học.

**Câu** 92. Mục tiêu chiến lược tổng quát phát triển giáo dục đến năm 2020 là:

A. Đổi mới căn bản và toàn diện theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa, dân chủ hóa và hội nhập quốc tế; chất lượng giáo dục được nâng cao một cách toàn diện.

B. Đổi mới căn bản và toàn diện theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa, dân chủ hóa và hội nhập quốc tế; chất lượng giáo dục được chú ý một cách toàn diện.

C. Đổi mới trường học theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa, dân chủ hóa và hội nhập quốc tế; chất lượng giáo dục được nâng cao một cách toàn diện.

D. Đổi mới căn bản và toàn diện theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa, dân chủ hóa và hội nhập quốc tế; kết quả đào tạo được nâng cao một cách toàn diện.

**Câu** 93. Những bậc học được đề cập trong mục tiêu chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2020 là:

A. Giáo dục mầm non; Giáo dục phổ thông; Giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học; Giáo dục thường xuyên.

B. Giáo dục mẫu giáo; Giáo dục phổ thông; Giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học; Giáo dục thường xuyên.

C. Giáo dục mầm non; Giáo dục trung học; Giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học; Giáo dục thường xuyên.

D. Giáo dục mầm non; Giáo dục phổ thông; Giáo dục cao đẳng và giáo dục đại học; Giáo dục thường xuyên.

**Câu** 94. Trong số các giải pháp phát triển giáo dục giai đoạn 2011 - 2020 có hai giải pháp “phát triển”, đó là:

A. Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; Phát triển khoa học giáo dục

B. Phát triển khoa học giáo dục; Phát triển nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

C. Phát triển khoa học giáo dục; Phát triển hiệu quả hợp tác quốc tế về giáo dục

D. Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; Phát triển nguồn lực tài chính giáo dục

**Câu** 95. Trong số các giải pháp phát triển giáo dục giai đoạn 2011 - 2020 có hai giải pháp “tăng cường”, đó là:

A. Tăng cường gắn đào tạo với sử dụng, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ đáp ứng nhu cầu xã hội; Tăng cường hỗ trợ phát triển giáo dục đối với các vùng khó khăn, dân tộc thiểu số và đối tượng chính sách xã hội

B. Tăng cường gắn đào tạo với sử dụng, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ đáp ứng nhu cầu xã hội; Tăng cường đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục

C. Tăng cường hỗ trợ phát triển giáo dục đối với các vùng khó khăn, dân tộc thiểu số và đối tượng chính sách xã hội;Tăng cườngmở rộng hợp tác quốc tế về giáo dục

D. Tăng cường gắn đào tạo với sử dụng, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ đáp ứng nhu cầu xã hội;Tăng cường quản lý giáo dục

**Câu** 96. Trong số các giải pháp phát triển giáo dục giai đoạn 2011 - 2020 có hai giải pháp “đổi mới”, đó là:

A. Đổi mới nội dung, phương pháp dạy học, thi, kiểm tra và đánh giá chất lượng giáo dục.

B. Đổi mới quản lý giáo dục; Đổi mới nội dung, phương pháp dạy học, thi, kiểm tra và đánh giá chất lượng giáo dục.

C. Đổi mới nội dung, phương pháp dạy học, thi, kiểm tra và đánh giá chất lượng giáo dục; Đổi mớiđội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục

D. Đổi mới quản lý giáo dục; Đổi mới gắn đào tạo với sử dụng, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ đáp ứng nhu cầu xã hội

**Câu** 97. Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2020 ở giai đoạn 2 (2016 - 2020) là:

A. Triển khai thực hiện đổi mới chương trình giáo dục phổ thông; tiếp tục thực hiện đổi mới giáo dục nghề nghiệp, đại học; tập trung củng cố và nâng cao chất lượng giáo dục.

B. Triển khai thực hiện đổi mới chương trình giáo dục các cấp; tiếp tục thực hiện đổi mới giáo dục nghề nghiệp, đại học; tập trung củng cố và nâng cao chất lượng giáo dục.

C. Triển khai thực hiện đổi mới chương trình giáo dục đào tạo; tiếp tục thực hiện đổi mới giáo dục nghề nghiệp, đại học; tập trung củng cố và nâng cao chất lượng giáo dục.

D. Triển khai thực hiện đổi mới chương trình giáo dục phổ thông; tiếp tục thực hiện đổi mới giáo dục cao đẳng, đại học; tập trung củng cố và nâng cao chất lượng giáo dục.

**Câu** 98. Đặc điểm kết hợp nhà nước – xã hội trong hoạt động quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo có nêu:

A. Tư tưởng giáo dục và đào tạo là sự nghiệp của nhà nước và của toàn xã hội.

B. Quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo là một tư tưởng có tính chiến lược.

C. Quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo là thực hiện chức năng giáo dục.

D. Phương tiện quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo là các văn bản quy phạm pháp luật.

**Câu** 99. Giải pháp phát triển đội ngũ nhà giáo có nêu:

A. Củng cố, hoàn thiện hệ thống đào tạo giáo viên, đổi mới căn bản và toàn diện nội dung và phương pháp đào tạo.

B. Tổ chức chặt chẽ bộ máy quản lý giáo dục.

C. Mọi hoạt động quản lý nhà nước về giáo dục không thể tách rời sự chỉ đạo của Đảng.

D. Quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo là quy hoạch và phát triển mạng lưới giáo dục.

**Câu** 100. Giải pháp đổi mới nội dung, phương pháp dạy học có nêu:

A. Quản lý chất lượng giáo dục.

B. Bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo.

C. Thực hiện chính sách ưu đãi.

D. Đổi mới chương trình tài liệu dạy học, đổi mới phương pháp dạy học ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy học.

**Câu** 101. Giải pháp đổi mới thi, kiểm tra, đánh giá có nêu:

A. Quản lý chất lượng giáo dục.

B. Đổi mới chương trình, tài liệu học tập.

C. Thực hiện chính sách ưu đãi.

D. Đổi mới đánh giá kết quả học tập, rèn luyện tích cực, chủ động, sang tạo.

**Câu** 102. Giải pháp đổi mới cơ chế tài chính giáo dục có nêu:

A. Đầu tư ngân sách có trọng điểm, không dàn trải.

B. Bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo.

C. Thực hiện chính sách ưu đãi.

D. Xây dựng và hoàn thiện chính sách.

**CHƯƠNG 3: LUẬT GIÁO DỤC VÀ LUẬT GIÁO DỤC ĐẠI HỌC (6 tiết)**

:

**Câu** 103. Luật Giáo dục 2005 được Quốc hội thông qua vào thời điểm nào? có hiệu lực khi nào?

A. Thông qua vào ngày 20/5/2005, có hiệu lực từ 01/01/2006.

B. Thông qua vào ngày 20/5/2005, có hiệu lực từ 01/06/2005.

C. Thông qua vào ngày 20/6/2005, có hiệu lực từ 01/01/2006.

D. Thông qua vào ngày 20/5/2005, có hiệu lực từ 20/11/2005.

**Câu** 104. Đối với nước ta, hệ thống giáo dục quốc dân bao gồm:

A. Các hệ thống giáo dục bộ phận, cấp học, trình độ, nhà trường và cơ sở giáo dục khác.

B. Hệ thống nhà trường và hệ thống các cơ quan ngoài nhà trường.

C. Các hệ thống giáo dục bộ phận, cấp học, trình độ, nhà trường và cơ sở khác.

D. Hệ thống giáo dục trong nhà trường và hệ thống các cơ sở đào tạo khác.

**Câu** 105. Hệ thống giáo dục phổ thông thời kỳ cải cách giáo dục lần thứ hai là:

A. Cấp I 4 năm; Cấp II 3 năm; Cấp III 3 năm

B. Cấp I 5 năm; Cấp II 3 năm; Cấp III 3 năm

C. Cấp I 5 năm; Cấp II 4 năm; Cấp III 3 năm

D. Tiểu học 5 năm; THCS 4 năm; THPT 3 năm

**Câu** 106. Hệ thống giáo dục phổ thông thời kỳ cải cách giáo dục lần thứ ba là:

A. Tiểu học 5 năm; THCS 4 năm; THPT 3 năm

B. Cấp I 4 năm; Cấp II 3 năm; Cấp III 3 năm

C. Cấp I 5 năm; Cấp II 4 năm; Cấp III 3 năm

D. Tiểu học 5 năm; PTCS 4 năm; PTTH 3 năm

**Câu** 107. Cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân thời kỳ cải cách lần thứ nhất là:

A. Giáo dục mẫu giáo; Giáo dục phổ thông; Giáo dục bình dân; Giáo dục chuyên nghiệp, cao đẳng và đại học.

B. Giáo dục mầm non; Giáo dục phổ thông; Giáo dục bình dân; Giáo dục chuyên nghiệp, cao đẳng và đại học.

C. Giáo dục mẫu giáo; Giáo dục phổ thông; Giáo dục bổ túc văn hóa, Giáo dục chuyên nghiệp, cao đẳng và đại học.

D. Giáo dục mẫu giáo; Giáo dục phổ thông; Giáo dục bình dân; Giáo dục chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học và sau đại học.

**Câu** 108. Cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân thời kỳ cải cách lần thứ ba là:

A. Giáo dục mầm non; Giáo dục phổ thông; Giáo dục chuyên nghiệp; Giáo dục đại học và sau đại học.

B. Giáo dục mẫu giáo; Giáo dục phổ thông; Giáo dục chuyên nghiệp; Giáo dục cao đẳng, đại học; Giáo dục sau đại học.

C. Giáo dục mầm non; Giáo dục phổ thông; Giáo dục chuyên nghiệp; Giáo dục cao đẳng, đại học; Giáo dục sau đại học.

D. Giáo dục mầm non; Giáo dục phổ thông; Giáo dục nghề nghiệp; Giáo dục cao đẳng, đại học; Giáo dục sau đại học.

**Câu** 109. Theo Luật Giáo dục đại học 2012, cơ sở giáo dục đại học trong hệ thống giáo dục quốc dân bao gồm:

A. Trường cao đẳng; Trường đại học, học viện; Đại học vùng, đại học quốc gia.

B. Trường cao đẳng nghề; Trường đại học, học viện; Đại học vùng, đại học quốc gia.

C. Trung tâm giáo dục đại học; Đại học vùng, đại học quốc gia.

D. Làng đại học; Trường đại học; Đại học vùng, đại học quốc gia.

**Câu** 110. Theo Luật Giáo dục đại học 2012, cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục đại học là:

A. Bộ Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về giáo dục đại học.

B. Các Bộ chủ quản chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về giáo dục đại học.

C. UBND các tỉnh chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về giáo dục đại học.

D. Quốc hội thực hiện quản lý nhà nước về giáo dục đại học.

**Câu** 111. Chọn cụm từ sau điền vào chỗ trống: Giáo dục phổ thông không bao gồm giáo dục:………..

A. THPT

B. THCS

C. Mầm non

D. Tiểu học

**Câu** 112. Theo Luật Giáo dục 2005, tổ chức loại hình nhà trường nào sau đây không trong hệ thống giáo dục quốc dân:

A. Trường bán công

B. Trường tư thục

C. Trường dân lập

D. Trường công lập

**Câu** 113. Luật Giáo dục 2005 có bao nhiêu chương?

A. 8

B. 9

C. 10

D. 12

**Câu** 114. Luật Giáo dục 2005 có bao nhiêu điều?

A. 120

B. 100

C. 200

D. 150

**Câu** 115. Luật Giáo dục 2005 có nội dung chủ yếu sau:

A. Hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân và nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục.

B. Bảo đảm bình đẳng về quyền học tập.

C. Bảo đảm quyền của các dân tộc thiểu số.

D. Bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân.

**Câu** 116. Hệ thống giáo dục quốc dân bao gồm:

A. Hệ thống nhà trường và hệ thống ngoài nhà trường.

B. Hệ thống nhà trường.

C. Hệ thống ngoài nhà trường.

D. Hệ thống dân lập.

:

**Câu** 117. Theo Luật Giáo dục 2005 và Luật Giáo dục 2009 sửa đổi, cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân có cấu trúc là:

A. Giáo dục mầm non; Giáo dục phổ thông; Giáo dục nghề nghiệp; Giáo dục đại học.

B. Giáo dục mầm non; Giáo dục phổ thông; Giáo dục trung học chuyên nghiệp và dạy nghề; Giáo dục đại học.

C. Giáo dục mầm non; Giáo dục phổ thông; Giáo dục nghề nghiệp; Giáo dục đại học và sau đại học.

D. Giáo dục mẫu giáo; Giáo dục phổ thông; Giáo dục nghề nghiệp; Giáo dục đại học.

**Câu** 118. Theo Luật Giáo dục 2005 và Luật Giáo dục 2009 sửa đổi, giáo dục phổ thông bao gồm:

A. Giáo dục tiểu học; Giáo dục trung học cơ sở; Giáo dục trung học phổ thông.

B. Giáo dục tiểu học; Giáo dục phổ thông cơ sở; Giáo dục phổ thông trung học.

C. Giáo dục mầm non; Giáo dục tiểu học; Giáo dục trung học cơ sở; Giáo dục trung học phổ thông.

D. Giáo dục tiểu học; Giáo dục trung học cơ sở; Giáo dục phổ thông có nhiều cấp học.

**Câu** 119. Theo Luật Giáo dục 2005 và Luật Giáo dục 2009 sửa đổi, giáo dục đại học bao gồm:

A. Đào tạo trình độ cao đẳng; Đào tạo trình độ đại học; Đào tạo trình độ thạc sĩ; Đào tạo trình độ tiến sĩ.

B. Đào tạo trình độ cao đẳng nghề; Đào tạo trình độ đại học; Đào tạo trình độ thạc sĩ; Đào tạo trình độ tiến sĩ.

C. Đào tạo trình độ đại học; Đào tạo trình độ thạc sĩ; Đào tạo trình độ tiến sĩ.

D. Đào tạo trình độ cao đẳng; Đào tạo trình độ đại học; Đào tạo trình độ thạc sĩ.

**Câu** 120. Theo Luật Giáo dục 2005 và Luật Giáo dục 2009 sửa đổi, ba trong số những cơ sở giáo dục mầm non, bao gồm:

A. Nhà trẻ; Lớp mẫu giáo; Trường mầm non. B. Nhóm trẻ; Nhà trẻ; Lớp măng non.

C. Nhà trẻ; Nhóm trẻ; Trường măng non. D. Lớp trẻ; Lớp mẫu giáo; Lớp mầm non.

**Câu** 121. Theo Luật Giáo dục 2005 và Luật Giáo dục 2009 sửa đổi, bốn trong số những cơ sở giáo dục phổ thông, bao gồm:

A. Trường tiểu học; Trường trung học cơ sở; Trường phổ thông có nhiều cấp học; Trung tâm giáo dục thường xuyên.

B. Trường mầm non; Trường trung học cơ sở; Trường trung học phổ thông; Trung tâm kỹ thuật tổng hợp hướng nghiệp.

C. Trường tiểu học; Trường trung học phổ thông; Trường phổ thông có nhiều cấp học; Trung tâm kỹ thuật tổng hợp hướng nghiệp.

D. Trường tiểu học; Trường phổ thông cơ sở; Trường phổ thông trung học; Trường phổ thông có nhiều cấp học.

**Câu** 122. Theo Luật Giáo dục 2005 và Luật Giáo dục 2009 sửa đổi, các cơ sở được phép đào tạo Trung học cơ sở là:

A. Trường trung học cơ sở; Trường phổ thông có nhiều cấp học; Trung tâm kỹ thuật tổng hợp hướng nghiệp.

B. Trường trung học cơ sở; Trường phổ thông trung học; Trung tâm kỹ thuật tổng hợp hướng nghiệp.

C. Trường trung học cơ sở; Trường trung cấp nghề; Trường phổ thông có nhiều cấp học.

D. Trường trung học cơ sở; Trường sư phạm thực hành; Trường phổ thông có nhiều cấp học.

**Câu** 123. Theo Luật Giáo dục 2005 và Luật Giáo dục 2009 sửa đổi, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp bao gồm:

A. Trường trung cấp chuyên nghiệp; Trường cao đẳng nghề, trường trung cấp nghề, cơ sở dạy nghề.

B. Trường trung cấp nghề; Trường cao đẳng; Trung tâm dạy nghề.

C. Cơ sở dạy nghề; Trung tâm giáo dục thường xuyên.

D. Trường trung cấp nghề, trường cao đẳng nghề; Trung tâm học tập cộng đồng.

**Câu** 124. Theo Luật Giáo dục 2005 và Luật Giáo dục 2009 sửa đổi, các cơ sở giáo dục đại học bao gồm:

A. Trường cao đẳng nghề; Trường đại học; Học viện.

B. Trường cao đẳng đào tạo trình độ đại học; Trường đại học; Học viện.

C. Trường cao đẳng đào tạo trình độ cao đẳng; Trường đại học; Học viện.

D. Trường trung cấp chuyên nghiệp; Trường cao đẳng; Trường đại học.

**Câu** 125. Theo Luật Giáo dục 2005 và Luật Giáo dục 2009 sửa đổi, các cơ sở giáo dục thường xuyên bao gồm:

A. Trung tâm giáo dục thường xuyên cấp tỉnh, cấp huyện; Trung tâm học tập cộng đồng cấp xã.

B. Trung tâm giáo dục thường xuyên cấp tỉnh; Trung tâm học tập cộng đồng cấp huyện.

C. Trường tiểu học; Trường trung học cơ sở; Trường trung học phổ thông.

D. Trung tâm dạy nghề, lớp dạy nghề.

**Câu** 126. Ba trong số những nguyên tắc cơ bản chỉ đạo việc xây dựng hệ thống giáo dục quốc dân ở nước ta, đó là :

A. Bảo đảm quyền của các dân tộc thiểu số được học tiếng nói, chữ viết của dân tộc mình; Bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân lao động về giáo dục; Thực hiện phổ cập giáo dục phổ thông.

B. Nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong sự phát triển sự nghiệp giáo dục; Thực hiện từng bước chế độ giáo dục phổ thông bắt buộc; Bảo đảm sự bình đẳng về quyền học tập đối với mọi công dân.

C. Bảo đảm sự bình đẳng về quyền học tập đối với mọi công dân; Bảo đảm tính thống nhất, cân đối và liên tục của hệ thống giáo dục quốc dân; Thực hiện chế độ giáo dục phổ thông bắt buộc.

D. Bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân lao động về giáo dục; Thực hiện từng bước chế độ giáo dục phổ thông bắt buộc; Ưu tiên cho những đối tượng thuộc diện chính sách.

**Câu** 127. Một trong những nguyên tắc cơ bản chỉ đạo việc xây dựng hệ thống giáo dục quốc dân ở nước ta, đó là “Thực hiện từng bước chế độ giáo dục phổ thông bắt buộc”, có nêu:

A. Nhà nước quyết định kế hoạch và trình độ giáo dục phổ cập; Mọi công dân trong độ tuổi quy định có nghĩa vụ học tập để đạt trình độ phổ cập.

B. Địa phương quyết định kế hoạch và trình độ giáo dục phổ cập; Mọi công dân trong độ tuổi bắt buộc học tập để đạt trình độ phổ cập.

C. Nhà nước xây dựng lộ trình giáo dục phổ cập cho cả nước; Mọi công dân trong độ tuổi bắt buộc học tập để đạt trình độ phổ cập.

D. Nhà nước quy định thời gian phổ cập giáo dục phổ thông cho cả nước; Mọi công dân trong độ tuổi quy định có nghĩa vụ học tập để đạt trình độ phổ cập.

**Câu** 128. Một trong những nguyên tắc cơ bản chỉ đạo việc xây dựng hệ thống giáo dục quốc dân ở nước ta, đó là “Phát triển sự nghiệp giáo dục phải gắn chặt và phục vụ sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ tổ quốc của nhân dân ta, với công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”, có nêu:

A. Công tác giáo dục ở nhà trường gắn chặt và phục vụ cho những mục tiêu kinh tế - xã hội của địa phương.

B. Công tác giáo dục ở nhà trường gắn chặt và phục vụ cho những mục tiêu chính trị - kinh tế của địa phương.

C. Công tác giáo dục phải gắn chặt và phục vụ cho những mục tiêu phát triển cơ sở vật chất của địa phương.

D. Công tác giáo dục phải gắn chặt và phục vụ cho những mục tiêu phát triển kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật của địa phương.

**Câu** 129. Hoạt động giáo dục của nhà trường phải được thực hiện theo nguyên lý:

A. Học đi đôi với hành, giáo dục kết hợp với lao động sản xuất, lý luận gắn liền với thực tiễn, giáo dục nhà trường kết hợp với giáo dục gia đình và giáo dục xã hội.

B. Học đi đôi với hành, giáo dục kết hợp với lao động thực tiễn, lý thuyết gắn liền với thực hành, giáo dục nhà trường kết hợp với giáo dục gia đình và giáo dục xã hội.

C. Học đi đôi với hành, giáo dục kết hợp với lao động sản xuất, lý luận gắn liền với thực tiễn, giáo dục địa phương kết hợp với giáo dục gia đình và giáo dục xã hội.

D. Học đi đôi với hành, nhà trường kết hợp với xã hội, lý luận gắn liền với lao động sản xuất, giáo dục địa trường gắn kết với giáo dục Trung ương.

**Câu** 130. Xu hướng phát triển hệ thống giáo dục quốc dân là:

A. Xã hội hóa giáo dục; Hợp tác hóa giáo dục; Hiện đại hóa nội dung, phương pháp, phương tiện dạy học; Cá biệt hóa; Chuẩn hóa trình độ và văn bằng.

B. Xã hội hóa giáo dục; Dân chủ hóa giáo dục; Hiện đại hóa nội dung, phương pháp, phương tiện dạy học; Cá biệt hóa; Chuẩn hóa trình độ và văn bằng.

C. Xã hội hóa giáo dục; Dân chủ hóa giáo dục; Hiện đại hóa hình thức, nội dung, phương tiện dạy học; Cá biệt hóa; Chuẩn hóa trình độ và văn bằng.

D. Xã hội hóa giáo dục; Dân chủ hóa giáo dục; Hiện đại hóa nội dung, phương pháp, phương tiện dạy học; Công bằng hóa; Chuẩn hóa trình độ và văn bằng.

**Câu** 131. Luật Giáo dục năm 2005 quy định điều lệ nhà trường có mấy nội dung chủ yếu:

A. 6 B.7

C. 8 D. 9

**Câu** 132. Luật Giáo dục năm 2005 quy định Hội đồng nhà trường có mấy nhiệm vụ:

A. 4 B. 5

C. 6 D. 7

**Câu** 133. Luật Giáo dục năm 2005 quy định nhà giáo có bao nhiêu nhiệm vụ:

A. 4 B. 5

C. 6 D. 7

**Câu** 134. Chức danh của giảng viên bao gồm:

A. Trợ giảng, giảng viên, giảng viên chính, phó giáo sư, giáo sư.

B. Giảng viên

C. Giảng viên chính

D. Trợ giảng

**Câu** 135. Trình độ chuẩn của chức danh giảng viên giảng dạy trình độ đại học là:

A. Đại học.

B. Thạc sĩ trở lên.

C. Giảng viên chính.

D. Đại học trở lên.

**Câu** 136. Giảng viên trong cơ sở giáo dục đại học là người:

A. Nhân thân rõ ràng, phẩm chất đạo đức tốt, đạt trình độ về chuyên môn.

B. Nhân thân rõ ràng.

C. Phẩm chất đạo đức tốt.

D. Sức khỏe tốt.

:

**Câu** 137. Theo Luật Giáo dục 2005 và Luật Giáo dục 2009 sửa đổi, một trong những cá nhân sau đây, cá nhân nào được phép cấp bằng tốt nghiệp Trung học cơ sở?

A. Trưởng phòng GD và ĐT quận Ninh Kiều B. Giám đốc sở GD và ĐT tỉnh Vĩnh Long

C. Chủ tịch UBND huyện Trà Ôn D. Hiệu trưởng trường Trung học cơ sở

**Câu** 138. Theo Luật Giáo dục 2005 và Luật Giáo dục 2009 sửa đổi, một trong những cá nhân sau đây, cá nhân nào được phép cấp bằng Tiến sĩ?

A. Hiệu trưởng trường ĐHBK TPHCM B. Thủ tướng Chính phủ

C. Chủ tịch nước D. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

**Câu** 139. Theo Luật Giáo dục 2005 và Luật Giáo dục 2009 sửa đổi, cá nhân nào được phép cấp bằng tốt nghiệp cho học sinh trường THPT chuyên Nguyễn Bỉnh Khiêm?

A. Giám đốc sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Vĩnh Long

B. Hiệu trưởng trường THPT chuyên Nguyễn Bỉnh Khiêm

C. Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long

D. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

**Câu** 140. Theo Luật Giáo dục 2005 và Luật Giáo dục 2009 sửa đổi, cá nhân nào được phép cấp bằng tốt nghiệp Đại học cho sinh viên trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long?

A. Hiệu trưởng trường ĐHSPKT Vĩnh Long B. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

C. Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long D. Bộ trưởng Bộ LĐ - TB và XH

**Câu** 141. Theo Luật Giáo dục 2005 và Luật Giáo dục 2009 sửa đổi, trường Cao đẳng nghề Vĩnh Long thuộc cơ sở giáo dục nào?

A. Cơ sở giáo dục nghề nghiệp B. Cơ sở giáo dục đại học

C. Cơ sở giáo dục địa phương D. Cơ sở giáo dục cao đẳng

**Câu** 142. Theo Luật Giáo dục 2005 và Luật Giáo dục 2009 sửa đổi, trường Cao đẳng Sư phạm Vĩnh Long thuộc cơ sở giáo dục nào?

A. Cơ sở giáo dục đại học B. Cơ sở giáo dục cao đẳng

C. Cơ sở giáo dục địa phương D. Cơ sở giáo dục nghề nghiệp

**Câu** 143. Theo Luật Giáo dục 2005 quy định nhà giáo phải có tiêu chuẩn nào sau đây?

A. Đạt trình độ chuẩn được đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ; phẩm chất, đạo đức, tư tưởng tốt; đủ sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp, lý lịch bản thân rõ ràng

B. Phẩm chất, đạo đức, tư tưởng tốt.

C. Đạt trình độ chuẩn được đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ.

D. Đủ sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp, lý lịch bản thân rõ ràng.

**Câu** 144. Trình độ chuẩn của giáo viên trung học cơ sở là:

A. Trung cấp.

B. Cao đẳng sư phạm.

C. Đại học.

D. Thạc sĩ.

**Câu** 145. Độ tuổi tối thiểu của học sinh vào lớp 1 là:

A. 5 tuổi.

B. 6 tuổi.

C. 7 tuổi.

D. không quy định.

**Câu** 146. Giáo dục THCS được thực hiện trong thời gian bao lâu:

A. 4 năm học.

B. 3 năm học.

C. 5 năm học.

D. không quy định.

**Câu** 147. Giáo dục THPT được thực hiện trong thời gian bao lâu:

A. 3 năm học.

B. 4 năm học.

C. 5 năm học.

D. không quy định.

**CHƯƠNG 4: ĐIỀU LỆ TRƯỜNG PHỔ THÔNG, TRƯỜNG CAO ĐẲNG, TRƯỜNG ĐẠI HỌC (6 tiết)**

:

**Câu** 148. Theo điều lệ Trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số: 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, các trường có một cấp học gồm:

A. Trường trung học cơ sở; Trường trung học phổ thông.

B. Trường tiểu học; Trường trung học cơ sở; Trường trung học phổ thông.

C. Trường tiểu học; Trường trung học.

D. Trường trung học; Trường phổ thông có một cấp học.

**Câu** 149. Theo điều lệ Trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số: 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, các trường phổ thông có nhiều cấp học gồm:

A. Trường tiểu học và trung học cơ sở; Trường trung học cơ sở và trung học phổ thông; Trường tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông.

B. Trường tiểu học và trung học cơ sở; Trường phổ thông cơ sở và phổ thông trung học; Trường tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông.

C. Trường tiểu học; Trường trung học cơ sở và trung học phổ thông; Trường tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông.

D. Trường tiểu trung; Trường trung học cơ sở và trung học phổ thông; Trường tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông.

**Câu** 150. Theo điều lệ Trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số: 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, trường trung học có cấp học cao nhất là THCS do ai ký quyết định thành lập?

A. Chủ tịch UBND cấp huyện B. Chủ tịch UBND cấp tỉnh

C. Giám đốc sở Giáo dục và Đào tạo cấp tỉnh D. Trưởng phòng GD và ĐT cấp huyện

**Câu** 151. Theo điều lệ Trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số: 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, trường trung học có cấp học cao nhất là THPT do ai ký quyết định thành lập?

A. Chủ tịch UBND cấp tỉnh B. Thủ tướng Chính phủ

C. Giám đốc sở Giáo dục và Đào tạo cấp tỉnh D. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

**Câu** 152. Theo điều lệ Trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số: 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, ai ký quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng trường trung học công lập có cấp học cao nhất là THCS?

A. Trưởng phòng GD và ĐT B. Chủ tịch UBND cấp tỉnh

C. Giám đốc sở Giáo dục và Đào tạo cấp tỉnh D. Chủ tịch UBND cấp huyện

**Câu** 153. Theo điều lệ Trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số: 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, ai ký quyết định công nhận Phó Hiệu trưởng trường trung học tư thục có cấp THPT?

A. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo B. Giám đốc sở Giáo dục và Đào tạo

C. Chủ tịch UBND cấp tỉnh D. Chủ tịch Hội đồng trường

**Câu** 154. Theo điều lệ Trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số: 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, các tổ chức đoàn thể trong nhà trường gồm:

A. Công đoàn; Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh; Đoàn TNCSHCM; Tổ chức xã hội khác

B. Công đoàn; Đoàn TNCSHCM cấp đoàn trường ; Hội Phụ huynh học sinh

C. Công đoàn; Hội học sinh; Hội Cha Mẹ học sinh

D. Công đoàn; Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh; Hội học sinh

**Câu** 155. Trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên trường THPT được quy định như sau:

A. Có bằng tốt nghiệp đại học sư phạm hoặc có bằng tốt nghiệp đại học và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm.

B. Có bằng kỹ sư và có chứng chỉ lý luận chính trị theo đúng chuyên ngành.

C. Có bằng tốt nghiệp đại học và có chứng chỉ nghiệp vụ theo đúng chuyên ngành.

D. Có bằng tốt nghiệp đại học kinh tế theo đúng chuyên ngành.

**Câu** 156. Đối tượng áp dụng Điều lệ trường Cao đẳng được ban hành kèm theo Thông tư số 46/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH là:

A. Trường Cao đẳng

B. Trường Cao đẳng Sư phạm

C. Trường Trung cấp

D. Trường Trung cấp nghề

**Câu** 157. Theo điều lệ Trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số: 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo thì giáo viên bộ môn trường trung học có bao nhiêu nhiệm vụ:

A. 5 B. 6

C. 7 D. 8

**Câu** 158. Điều lệ trường đại học hiện hành được ban hành năm nào?

A. 2013 B. 2014

C. 2015 D. 2016

**Câu** 159. Điều lệ trường đại học hiện hành có hiệu lực năm nào?

A. 2016 B. 2015

C. 2014 D. 2013

:

**Câu** 160. Theo điều lệ Trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số: 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, học sinh học trước tuổi do người nào cho phép?

A. Hiệu trưởng B. Trưởng phòng GD và ĐT cấp huyện

C. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo D. Chủ tịch UBND cấp tỉnh

**Câu** 161. Theo điều lệ Trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số: 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, học sinh học vượt lớp do cá nhân nào cho phép?

A. Hiệu trưởng B. Giám đốc sở GD và ĐT cấp tỉnh

C. Trưởng phòng GD và ĐT cấp huyện D. Chủ tịch UBND cấp tỉnh

**Câu** 162. Theo điều lệ Trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số: 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, các khối công trình của nhà trường gồm:

A. Phòng học; khối hành chính – quản trị; khu sân chơi, bãi tập; khu vệ sinh và khu để xe.

B. Khối phòng bộ môn; khối phục vụ học tập; căn tin; sân vận động.

C. Khối phòng học; khối phục vụ học tập; khu tập luyện; khu giải trí văn hóa thể thao.

D. Khối phòng học bộ môn; khối phòng hành chính; nhà ăn; khu để xe.

**Câu** 163. Theo thông tư số 43/2006/TT-BGD&ĐT ngày 20/10/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thanh tra toàn diện nhà trường, cơ sở giáo dục khác và thanh tra hoạt động sư phạm của nhà giáo, nội dung thanh tra toàn diện cơ sở giáo dục gồm:

A. Tổ chức cơ sở giáo dục; Cơ sở vật chất kỹ thuật; Thực hiện kế hoạch giáo dục; Công tác quản lý của thủ trưởng cơ sở giáo dục; Nhiệm vụ khác.

B. Đội ngũ giảng viên, cán bộ và nhân viên; Cơ sở vật chất kỹ thuật; Tình hình thực hiện các nhiệm vụ của nhà trường; Công tác quản lý của Hiệu trưởng.

C. Đội ngũ giáo viên, cán bộ và học sinh; Cơ sở vật chất kỹ thuật; Tình hình thực hiện các nhiệm vụ của nhà trường; Công tác quản lý của Hiệu trưởng.

D. Đội ngũ giáo viên, cán bộ và nhân viên; Cơ sở vật chất kỹ thuật; Tình hình thực hiện các nhiệm vụ của nhà trường; Công tác quản lý của Ban giám hiệu.

**Câu** 164. Theo thông tư số 43/2006/TT-BGD&ĐT ngày 20/10/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thanh tra toàn diện nhà trường, cơ sở giáo dục khác và thanh tra hoạt động sư phạm của nhà giáo, nội dung thanh tra hoạt động sư phạm của nhà giáo gồm:

A. Phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống; Kết quả công tác được giao.

B. Trình độ nghiệp vụ sư phạm; Việc thực hiện các bước lên lớp; Kết quả giảng dạy.

C. Trình độ học vấn; Việc thực hiện quy chế chuyên môn; Kết quả giảng dạy.

D. Trình độ nghiệp vụ sư phạm; Việc thực hiện quy chế chuyên môn; Kết quả học tập.

**Câu** 165. Theo thông tư 43/2006/TT-BGD&ĐT ngày 20/10/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thanh tra toàn diện nhà trường, cơ sở giáo dục khác và thanh tra hoạt động sư phạm của nhà giáo, công tác quản lý của thủ trưởng cơ sở giáo dục gồm:

A. Xây dựng kế hoạch giáo dục; Quản lý cán bộ, nhà giáo, nhân viên và người học; Thực hiện quy chế dân chủ.

B. Quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên; Quản lý hành chính, tài chính, tài sản của nhà trường; Quản lý và tổ chức giáo dục thanh thiếu niên.

C. Quản lý hành chính, tài chính, tài sản của nhà trường; Tham gia công tác xã hội hóa giáo dục; Quản lý và tổ chức giáo dục học sinh.

D. Xây dựng kế hoạch khóa học; Quản lý hành chính, tài chính, tài sản của nhà trường; Phối hợp công tác giữa nhà trường với xã hội.

**Câu** 166. Theo thông tư số 43/2006/TT-BGD&ĐT ngày 20/10/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thanh tra toàn diện nhà trường, cơ sở giáo dục khác và thanh tra hoạt động sư phạm của nhà giáo, công tác quản lý của thủ trưởng cơ sở giáo dục về quản lý hành chính, tài chính, tài sản gồm:

A. Hồ sơ, sổ sách; Thu chi và sử dụng nguồn tài chính; Đầu tư xây dựng, bảo quản tài sản công.

B. Thực hiện chế độ chính sách của nhà nước đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh; thực hiện Quy chế nếp sống văn minh trong nhà trường do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

C. Quản lý thu nhập, sử dụng các nguồn tài chính; Thực hiện chế độ chính sách của nhà nước đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh.

D. Quản lý việc chi kinh phí bổ sung cơ sở vật chất và thiết bị trường học; Thực hiện Quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

**Câu** 167. Tiêu chuẩn trường trung học đạt chuẩn quốc gia theo thông tư số 47/2012/TT-BGD&ĐT ngày 07/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy chế công nhận trường trung học đạt chuẩn quốc gia gồm:

A. Tổ chức và quản lý nhà trường; Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên; Chất lượng giáo dục; Tài chính, cơ sở vật chất và thiết bị dạy học; Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội.

B. Tổ chức nhà trường; Cán bộ quản lý, giáo viên và học sinh; Chất lượng giáo dục; Cơ sở vật chất và thiết bị; Công tác xã hội hóa giáo dục.

C. Tổ chức nhà trường; Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên; Chất lượng giáo dục; Cơ sở vật chất và phòng học; Công tác xã hội hóa giáo dục.

D. Tổ chức nhà trường; Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên; Kết quả giáo dục; Cơ sở vật chất và thiết bị; Công tác xã hội hóa giáo dục.

**Câu** 168. Chất lượng giáo dục theo thông tư số 47/2012/TT-BGD&ĐT ngày 07/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy chế công nhận trường trung học đạt chuẩn quốc gia dựa vào:

A. Học lực và hạnh kiểm B. Năng lực và thể lực

C. Đạo đức và lối sống D. Giáo dục nhà trường và gia đình

**Câu** 169. Tổ chức và quản lý nhà trường theo thông tư số 47/2012/TT-BGD&ĐT ngày 07/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy chế công nhận trường trung học đạt chuẩn quốc gia bao gồm:

A. Lớp học; Tổ chuyên môn; Tổ hành chính; Hội đồng trường và các hội đồng khác trong nhà trường; Tổ chức Đảng và các đoàn thể.

B. Lớp học; Tổ chuyên môn; Tổ văn phòng; Hội đồng trường; Tổ chức Đảng, đoàn thể.

C. Lớp học; Tổ chuyên môn; Tổ văn phòng; Hội đồng quản trị và các hội đồng khác trong nhà trường; Tổ chức Đảng và các đoàn thể.

D. Lớp học; Tổ chuyên môn; Tổ văn phòng; Hội đồng trường và các hội đồng khác trong nhà trường; Tổ chức Đảng và công đoàn.

**Câu** 170. Theo Điều lệ trường Cao đẳng được ban hành kèm theo Thông tư số 46/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH, trường cao đẳng tổ chức theo loại hình sau:

A. Trường cao đẳng công lập; Trường cao đẳng tư thục.

B. Trường cao đẳng công lập; Trường cao đẳng dân lập.

C. Trường cao đẳng công lập; Trường cao đẳng ngoài công lập.

D. Trường cao đẳng nhà nước; Trường cao đẳng tư thục.

**Câu** 171. Theo Điều lệ trường Cao đẳng được ban hành kèm theo Thông tư số 46/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH, trường cao đẳng tư thục do ai quyết định công nhận hiệu trưởng?

A. Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh – Xã hội B. Chủ tịch UBND cấp tỉnh

C. Thủ tướng Chính phủ D. Hội đồng quản trị của trường

**Câu** 172. Theo Điều lệ trường Cao đẳng được ban hành kèm theo Thông tư số 46/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH, trường cao đẳng công lập do ai quyết định bổ nhiệm hiệu trưởng?

A. Chủ tịch UBND cấp tỉnh B. Giám đốc Sở GD-ĐT

C. Thủ tướng Chính phủ D. Hội đồng quản trị của trường

**Câu** 173. Theo Điều lệ trường Đại học được ban hành kèm theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ, thành phần bắt buộc của tên trường đại học gồm:

A. Cụm từ xác định loại trường; Tên riêng.

B. Loại hình đào tạo; Tên riêng

C. Cụm từ xác định loại trường; Loại hình đào tạo.

D. Loại hình đào tạo; Tên riêng; ngành nghề đào tạo.

**Câu** 174. Theo Điều lệ trường Đại học được ban hành kèm theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng khoa học và đào tạo có nhiệm kỳ là:

A. 5 năm B. 4 năm

C. 3 năm D. 1 năm

**Câu** 175. Theo Điều lệ trường Đại học được ban hành kèm theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ, độ tuổi bổ nhiệm nhiệm kỳ đầu của hiệu trưởng trường đại học đối với nam là:

A. Không quá 55 B. Không quá 50

C. Không quá 45 D. Không quá 60

**Câu** 176. Theo Điều lệ trường Đại học được ban hành kèm theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ, độ tuổi giữ chức vụ hiệu trưởng đối với trường đại học tư thục đối với nam là:

A. Không quá 75 B. Không quá 50

C. Không quá 65 D. Không quá 60

**Câu** 177. Theo Điều lệ trường Đại học được ban hành kèm theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ, Đại hội đồng cổ đông của trường đại học tư thục bao gồm:

A. Tất cả thành viên góp vốn. B. Thành viên có vốn nhiều hơn.

C. Vốn chiếm 70%. D. Vốn chiếm 50%.

**Câu** 178. Theo Điều lệ trường Đại học được ban hành kèm theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ, Ban kiểm soát của trường đại học tư thục có số lượng bao nhiêu?

A. 3 – 5 thành viên. B. 3 thành viên.

C. Không quy định. D. 5 thành viên.

**Câu** 179. Theo điều lệ Trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số: 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, trường THPT do người nào ký quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập?

A. Chủ tịch UBND cấp tỉnh B. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

C. Giám đốc sở GD và ĐT D. Chủ tịch HĐND cấp tỉnh

**Câu** 180. Theo điều lệ Trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số: 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, trường THCS do người nào ký quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập?

A. Chủ tịch UBND cấp huyện B. Chủ tịch UBND cấp tỉnh

C. Giám đốc sở GD và ĐT D. Trưởng phòng GD và ĐT

**Câu** 181. Hiệu trưởng trường Cao đẳng Sư phạm Vĩnh Long do cá nhân (hoặc tập thể) nào bổ nhiệm (hoặc bầu)?

A. Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long bổ nhiệm

B. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo bổ nhiệm

C. Giám đốc sở Giáo dục và Đào tạo Vĩnh Long bổ nhiệm

D. Tập thể cán bộ, công chức, viên chức nhà trường bầu

**Câu** 182. Theo Điều lệ trường Đại học được ban hành kèm theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ, thời gian tập sự đối với giảng viên trường đại học là:

A. 3 tháng B. 6 tháng

C. 9 tháng D. 12 tháng

**Câu** 183. Theo Điều lệ trường Đại học được ban hành kèm theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ, người nào có thẩm quyền ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của trường đại học công lập?

A. Hiệu trưởng B. Hội đồng quản trị

C. Chủ tịch UBND cấp tỉnh D. Trưởng phòng tổ chức – hành chính

**Câu** 184. Theo Điều lệ trường Đại học được ban hành kèm theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ, người học trong trường đại học gồm:

A. Sinh viên và học viên B. Học sinh và sinh viên

C. Học sinh và học viên D. Nghiên cứu sinh và học sinh

**Câu** 185. Đối tượng áp dụng Điều lệ trường Đại học được ban hành kèm theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ là:

A. Trường đại học B. Trường Cao đẳng

C. Trường trung cấp D. Trường Cao đẳng sư phạm

**Câu** 186. Theo Điều lệ trường Đại học được ban hành kèm theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ, giảng viên cơ hữu của trường đại học công lập là:

A. Viên chức được tuyển dụng, sử dụng, quản lý theo luật viên chức.

B. Công chức.

C. Người lao động ký hợp đồng lao động có thời hạn.

D. Người lao động ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn.

**Câu** 187. Theo Điều lệ trường Đại học được ban hành kèm theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng quản trị của trường đại học tư thục hoạt động không vì lợi nhuận là:

A. Cơ quan quyền lực cao nhất của nhà trường.

B. Cơ quan hành chính nhà nước.

C. Cơ quan nhà nước.

D. Cơ quan của nhà trường.

**Câu** 188. Theo Điều lệ trường Đại học được ban hành kèm theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ, loại hình trường đại học tư thục bao gồm:

A. Trường đại học tư thục và trường đại học tư thục hoạt động không vì lợi nhuận.

B. Trường đại học tư thục.

C. Trường đại học tư thục hoạt động không vì lợi nhuận.

D. Trường đại học dân lập.

**Câu** 189. Theo Điều lệ trường Đại học được ban hành kèm theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ, thời hạn góp vốn đầu tư xây dựng trường đại học tư thục hoạt động không vì lợi nhuận là:

A. 90 ngày.

B. 60 ngày.

C. 75 ngày.

D. 30 ngày.

**Câu** 190. Theo Điều lệ trường Đại học được ban hành kèm theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ, Quy chế tổ chức và hoạt động của trường đại học do ai ban hành?

A. Hiệu trưởng.

B. Phó hiệu trưởng.

C. Hội đồng quản trị.

D. Đại hội đồng cổ đông.

**Câu** 191. Theo Điều lệ trường Đại học được ban hành kèm theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ, Hiệu trưởng trường đại học có quyền:

A. Tuyển dụng, quản lý, sử dụng, phát triển đội ngũ giảng viên.

B. Định hướng phát triển nghiên cứu khoa học.

C. Thẩm định chương trình đào tạo.

D. Đánh giá giảng viên.

**Câu** 192. Theo Điều lệ trường Đại học được ban hành kèm theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ, bộ môn là:

A. Đơn vị chuyên môn thuộc khoa trong trường đại học.

B. Đơn vị chuyên môn thuộc trường đại học.

C. Đơn vị tư vấn chuyên môn.

D. Đơn vị tư vấn nhiệm vụ.

**CHƯƠNG 5**

**MỘT SỐ VẤN ĐỀ THỰC TIỄN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO Ở VIỆT NAM** (4 tiết)

: 9 **Câu**

**Câu** 193. Ba trong số những thành tựu về giáo dục - đào tạo trong giai đoạn 2001 - 2010 là:

A. Công bằng xã hội trong tiếp cận giáo dục đã được cải thiện; Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục tăng; Ngân sách đầu tư cho giáo dục tăng.

B. Quy mô giáo dục và mạng lưới cơ sở giáo dục phát triển, đáp ứng tốt hơn nhu cầu học tập của nhân dân; Chất lượng đào tạo ở các cấp học có tiến bộ; Ngân sách đầu tư cho giáo dục tăng.

C. Chất lượng giáo dục ở các cấp học và trình độ đào tạo có tiến bộ; Công tác quản lý giáo dục có bước chuyển biến tích cực; Giáo dục công lập phát triển.

D. Công tác quản lý đào tạo đạt chất lượng; Giáo dục ngoài công lập phát triển; Cơ sở vật chất nhà trường được cải thiện.

**Câu** 194. Một trong số những thành tựu về giáo dục - đào tạo trong giai đoạn 2001 - 2010 là “Công tác quản lý giáo dục có bước chuyển biến tích cực” có nêu:

A. Đẩy mạnh cải cách hành chính trong toàn ngành; mở rộng môi trường giáo dục thân thiện, khuyến khích tính tích cực, chủ động trong học sinh, sinh viên.

B. Công tác quản lý giáo dục chuyển biến theo hướng tích cực; đổi mới đội ngũ quản lý và cơ chế tài chính của ngành giáo dục.

C. Xây dựng hệ thống quản lý chất lượng từ Trung ương đến địa phương và các cơ sở giáo dục; cải cách việc giảng dạy trong các trường.

D. Chuẩn hóa đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; thay đổi quyền chịu trách nhiệm của các cơ sở giáo dục; ứng dụng rộng rãi công nghệ thông tin.

**Câu** 195. Một trong số những thành tựu về giáo dục - đào tạo trong giai đoạn 2001 - 2010 là “Công bằng xã hội trong tiếp cận giáo dục đã được cải thiện” có nêu:

A. Về cơ bản, đã đạt được sự bình đẳng nam nữ trong giáo dục phổ thông và giáo dục đại học. Giáo dục ở vùng đồng bào các dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa tiếp tục phát triển.

B. Một số chính sách miễn, giảm học phí, cấp học bổng, cho vay đi học đối với học sinh, sinh viên giúp người học thuận lợi để theo học lên bậc cao hơn.

C. Giáo dục ở vùng đồng bào các dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa tiếp cận với trình độ tiên tiến giúp phát triển nguồn nhân lực chất lượng ngày một cao.

D. Có sự bình đẳng nam nữ trong các trường đại học. Giáo dục ở các vùng khó khăn đã được khắc phục và từng bước phát triển.

**Câu** 196. Một trong số những thành tựu về giáo dục - đào tạo trong giai đoạn 2001 - 2010 là “Chất lượng giáo dục ở các cấp học và trình độ đào tạo có tiến bộ” có nêu:

A. Phát triển giáo dục và đào tạo đã chuyển theo hướng đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, khoa học và công nghệ; đã mở thêm nhiều ngành nghề đào tạo mới.

B. Phát triển giáo dục và đào tạo đã tạo điều kiện cho sinh viên, học sinh tiếp cận với khoa học và công nghệ tiên tiến, tốt nghiệp dễ tìm việc làm.

C. Trình độ hiểu biết, năng lực tiếp thu kiến thức của học sinh, sinh viên rất tốt. Số đông học sinh, sinh viên ra trường đáp ứng được nhu cầu của thị trường lao động.

D. Số đông học sinh, sinh viên tốt nghiệp đạt kết quả tốt, công việc đáp ứng được với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, khoa học và công nghệ.

**Câu** 197. Một trong số những thành tựu về giáo dục - đào tạo trong giai đoạn 2001 - 2010 là “Cơ sở vật chất nhà trường được cải thiện” có nêu:

A. Nhà để xe, phòng tập thể dục, ký túc xá cho học sinh, sinh viên đã được ưu tiên đầu tư xây dựng và tăng dần trong những năm gần đây.

B. Phòng học và ký túc xá cho học sinh, sinh viên đã được ưu tiên đầu tư xây dựng và tăng dần trong những năm gần đây.

C. Nhà công vụ cho giáo viên và sân bãi tập luyện cho học sinh, sinh viên đã được ưu tiên đầu tư xây dựng và tăng dần trong những năm gần đây.

D. Nhà công vụ cho giáo viên và ký túc xá cho học sinh, sinh viên đã được ưu tiên đầu tư xây dựng và tăng dần trong những năm gần đây.

**Câu** 198. Một trong số những thành tựu về giáo dục - đào tạo trong giai đoạn 2001 - 2010 là “Giáo dục ngoài công lập phát triển” có nêu:

A. Giáo dục ngoài công lập phát triển, đặc biệt trong giáo dục nghề nghiệp và đại học: Sơ cấp nghề, trung cấp, cao đẳng nghề, trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học đều tăng.

B. Giáo dục ngoài công lập phát triển, đặc biệt trong giáo dục nghề nghiệp và đại học: Các trường cao đẳng nghề, trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học đều tăng.

C. Giáo dục ngoài công lập phát triển, đặc biệt trong giáo dục nghề nghiệp và đại học: Các trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, cao đẳng, đại học đều tăng.

D. Giáo dục ngoài công lập phát triển, đặc biệt trong giáo dục nghề nghiệp và đại học: Các cơ sở đào tạo, các trường trung cấp, cao đẳng, đại học đều tăng.

**Câu** 199. Một trong những nguyên nhân của thành tựu về giáo dục đào tạo trong thời gian qua là:

A. Các thế hệ sinh viên tốt nghiệp ra trường công tác ở mọi miền tổ quốc, đặc biệt ở vùng núi, vùng sâu, vùng xa đã vượt qua nhiều khó khăn, thử thách, đóng góp công sức to lớn cho sự nghiệp trồng người.

B. Các thế hệ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục công tác ở mọi miền tổ quốc, đặc biệt ở vùng núi, vùng sâu, vùng xa đã vượt qua nhiều khó khăn, thử thách, đóng góp công sức to lớn cho sự nghiệp trồng người.

C. Các thế hệ nhà giáo và cán bộ chủ chốt tham gia công tác ở mọi miền tổ quốc, đặc biệt ở vùng núi, vùng sâu, vùng xa đã vượt qua nhiều khó khăn, thử thách, đóng góp công sức to lớn cho sự nghiệp trồng người.

D. Các thế hệ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục công tác ở mọi miền tổ quốc, đặc biệt ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bằng đã vượt qua nhiều khó khăn, thử thách, đóng góp công sức to lớn cho sự nghiệp trồng người.

**Câu** 200. Thành tựu về chất lượng giáo dục ở các cấp học và trình độ đào tạo có tiến bộ là do:

A. Năng lực người học nâng cao, nhiều ngành nghề đào tạo, phát triển trường chuyên, trường năng khiếu, trường chất lượng cao.

B. Phát triển trường chuyên, trường năng khiếu, trường chất lượng cao.

C. Nhiều ngành nghề đào tạo.

D. Năng lực người học nâng cao.

**Câu** 201. Thành tựu về đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục tăng là do:

A. Nhu cầu phổ cập giáo dục và phát triển các cấp học và trình độ đào tạo.

B. Chất lượng giáo dục mũi nhọn được coi trọng.

C. Thực hiện công bằng xã hội đạt hiệu quả cao.

D. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.

:

**Câu** 202. Ba trong số những bất cập, yếu kém về giáo dục đào tạo trong thời gian qua là:

A. Hệ thống giáo dục quốc dân thiếu tính thống nhất; Cơ sở vật chất kỹ thuật của nhà trường còn thiếu và lạc hậu; Nghiên cứu và ứng dụng các kết quả nghiên cứu khoa học giáo dục còn hạn chế, chưa đáp ứng kịp thời các yêu cầu phát triển giáo dục.

B. Chất lượng giáo dục còn thấp so với yêu cầu phát triển của đất nước; Phần lớn nhà giáo và cán bộ quản lý chưa đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ giáo dục trong thời kỳ mới; Cơ sở vật chất kỹ thuật của nhà trường còn thiếu và lạc hậu;

C. Quản lý đào tạo chưa hợp lý; Một bộ phận nhà giáo và cán bộ quản lý chưa đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ giáo dục trong thời kỳ mới; Nội dung chương trình, phương pháp dạy và học, công tác thi, kiểm tra, đánh giá chậm được đổi mới.

D. Một bộ phận nhà giáo và cán bộ quản lý chưa đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ giáo dục trong thời kỳ mới; Nội dung chương trình, phương pháp dạy và học, công tác thi, kiểm tra, đánh giá chậm được đổi mới; Phòng học của nhà trường còn thiếu và lạc hậu;

**Câu** 203. Một trong những bất cập, yếu kém về giáo dục đào tạo trong thời gian qua là “Chất lượng giáo dục còn thấp so với yêu cầu phát triển của đất nước” có nêu:

A. Năng lực nghề nghiệp của học sinh, sinh viên tốt nghiệp chưa đáp ứng được yêu cầu của công việc; có biểu hiện lệch lạc về hành vi, lối sống trong một bộ phận học sinh, sinh viên.

B. Chất lượng giáo dục còn thấp so với nền giáo dục tiên tiến trong khu vực, trên thế giới. Sinh việc tốt nghiệp khó tìm được việc làm.

C. Chưa giải quyết tốt mối quan hệ giữa số lượng người học với chất lượng đào tạo; tuyển sinh đầu vào còn yếu nên việc tiếp thu kiến thức gặp nhiều khó khăn.

D. Một số học sinh, sinh viên có biểu hiện lệch lạc về hành vi, lối sống. Chất lượng giáo dục không đồng đều trên phạm vi cả nước.

**Câu** 204. Một trong những nguyên nhân của bất cập, yếu kém về giáo dục đào tạo trong thời gian qua là:

A. Tâm lý khoa cử, sính bằng cấp, bệnh thành tích vẫn chi phối việc dạy, học và thi; mặt trái của kinh tế thị trường đã có nhiều tác động tiêu cực đến giáo dục.

B. Tâm lý học sinh phải lên lớp 100%, nhà trường có thành tích vẫn chi phối việc dạy, học và thi; mặt trái của kinh tế thị trường đã có nhiều tác động tiêu cực đến giáo dục.

C. Tâm lý khoa cử, sính bằng cấp, bệnh thành tích vẫn chi phối việc dạy, học và thi; kinh tế tri thức đã có nhiều tác động tiêu cực đến giáo dục.

D. Tâm lý phải vào đại học, được đi nước ngoài, bệnh thành tích vẫn chi phối việc dạy, học và thi; mặt trái của kinh tế thị trường đã có nhiều tác động tiêu cực đến giáo dục.

**Câu** 205. Một số chính sách trong việc thực hiện công bằng xã hội trong tiếp cận giáo dụcgiai đoạn 2001 - 2010 là:

A. Chính sách miễn, giảm học phí, cấp học bổng, cho vay đi học

B. Chính sách không thu học phí, cấp học bổng, cho vay đi học

C. Chính sách miễn, giảm học phí, trợ cấp khó khăn, cho vay đi học

D. Chính sách miễn, giảm học phí, cấp học bổng, cho vay không có lãi

**Câu** 206. Một trong những mạng lưới cơ sở giáo dục phát triển trong giai đoạn 2001 - 2010 là:

A. Các tỉnh và huyện có đông đồng bào dân tộc thiểu số đã có trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú.

B. Các tỉnh và huyện có đồng bào dân tộc thiểu số đã có trường phổ thông dân tộc nội trú, trung học dân tộc bán trú.

C. Các tỉnh và huyện có đông đồng bào dân tộc thiểu số đã có trường trung học phổ thông nội trú, phổ thông bán trú.

D. Các tỉnh và huyện có đồng bào dân tộc thiểu số đã có trường trung học dân tộc nội trú, trung học dân tộc bán trú.

**Câu** 207. Bối cảnh quốc tế và trong nước đối với giáo dục đào tạo nước ta trong thập kỷ tới là:

A. Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế về giáo dục đã trở thành xu thế tất yếu. Cách mạng khoa học công nghệ, công nghệ thông tin và truyền thông, kinh tế tri thức ngày càng phát triển mạnh mẽ, tác động trực tiếp đến sự phát triển của các nền giáo dục trên thế giới.

B. Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế về giáo dục đã trở thành xu thế tất yếu. Cách mạng khoa học kỹ thuật, công nghệ thông tin và truyền thông, kinh tế ngày càng phát triển mạnh mẽ, tác động trực tiếp đến sự phát triển của các nền giáo dục trên thế giới.

C. Xã hội hóa và hội nhập quốc tế về giáo dục đã trở thành xu thế tất yếu. Cách mạng khoa học công nghệ, công nghệ thông tin và truyền thông, kinh tế tri thức ngày càng phát triển mạnh mẽ, tác động trực tiếp đến sự phát triển của các nền giáo dục trên thế giới.

D. Quốc tế hóa và hội nhập toàn cầu về giáo dục đã trở thành xu thế tất yếu. Cách mạng khoa học công nghệ, công nghệ thông tin và truyền thông, kinh tế tri thức ngày càng phát triển mạnh mẽ, tác động trực tiếp đến sự phát triển của các nền giáo dục trên thế giới.

**Câu** 208. Một trong những thời cơ đối với giáo dục đào tạo nước ta trong thập kỷ tới là:

A. Quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng về giáo dục đang diễn ra ở quy mô toàn cầu tạo cơ hội thuận lợi để tiếp cận với các xu thế mới, tri thức mới, những mô hình giáo dục hiện đại, tranh thủ các nguồn lực bên ngoài, tạo thời cơ để phát triển giáo dục.

B. Quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng về văn hóa đang diễn ra ở quy mô toàn cầu tạo cơ hội thuận lợi để giao lưu với các nước trên thế giới, phát huy nền văn hóa dân tộc nước nhà, tạo thời cơ để phát triển giáo dục.

C. Quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng về kinh tế đang diễn ra ở quy mô toàn cầu tạo cơ hội thuận lợi để tranh thủ các nguồn lực từ nước ngoài, tiếp cận với các xu thế mới, tri thức mới, tạo thời cơ để phát triển giáo dục.

D. Quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng về giáo dục đang diễn ra ở quy mô toàn cầu tạo thuận lợi cho việc được học tập ở nước ngoài, tiếp thu tri thức mới, những mô hình giáo dục hiện đại, tranh thủ các nguồn lực bên ngoài, tạo thời cơ để phát triển giáo dục.

**Câu** 209. Một trong những thách thứcđối với giáo dục đào tạo nước ta trong thập kỷ tới là:

A. Hội nhập quốc tế và phát triển văn hóa toàn cầu có thể làm nền giáo dục nước ta chậm phát triển.

B. Hội nhập quốc tế và phát triển kinh tế thị trường có thể làm nền giáo dục nước ta chậm phát triển.

C. Hội nhập quốc tế và phát triển kinh tế thị trường làm nảy sinh nguy cơ xâm nhập của văn hóa và lối sống không lành mạnh làm xói mòn bản sắc dân tộc nước ta.

D. Hội nhập quốc tế và phát triển văn hóa toàn cầu làm nảy sinh nguy cơ xâm nhập của văn hóa và lối sống không lành mạnh làm xói mòn bản sắc dân tộc nước ta.

**Câu** 210. **Câu** 170. Hệ thống giáo dục quốc dân thiếu tính thống nhất là do:

A. Thiếu tính thống nhất, thiếu liên thông giữa một số cấp học và một số trình độ đào tạo, chưa có khung trình độ quốc gia về giáo dục.

B. Chất lượng giáo dục còn thấp.

C. Phương pháp dạy và học lạc hậu.

D. Cơ sở vật chất xuống cấp.

[<O A=`A` C=`C5` D=`0.2`>]

**Câu** 211. Thành tựu về ngân sách đầu tư cho giáo dục tăng là do:

A. Nguồn lực đầu tư cho cơ sở vật chất và đóng góp kinh phí cho giáo dục tăng

B. Xây dựng hệ thống quản lý chất lượng từ trung ương đến địa phương

C. Đổi mới cơ chế tài chính ngành giáo dục

D. Đẩy mạnh cải cách hành chính trong ngành giáo dục

**Câu** 212. Thành tựu về cơ sở vật chất nhà trường được cải thiện là do:

A. Phòng học kiên cố tăng, nhà công vụ, ký túc xá được ưu tiên đầu tư xây dựng

B. Hội nhập quốc tế trong thời kỳ đổi mới

C. Đầu tư ngân sách cho giáo dục tăng

D. Sự quyết tâm đổi mới giáo dục

**Câu** 213. Cơ sở vật chất kỹ thuật của nhà trường còn thiếu và lạc hậu là do:

A. Phương tiện dạy học chưa đủ, phòng học tạm tranh tre, nứa lá, quỹ đất cho giáo dục chưa đạt chuẩn.

B. Phòng học tạm tranh tre, nứa lá

C. Phương tiện dạy học chưa đủ

D. Quỹ đất cho giáo dục chưa đạt chuẩn

**Câu** 214. Chất lượng giáo dục còn thấp so với yêu cầu phát triển của đất nước là vì:

A. Năng lực nghề nghiệp chưa đáp ứng nhu cầu công việc, chưa phát triển về số lượng và chất lượng, lệch lạc hành vi, lối sống.

B. Chưa phát triển về số lượng và chất lượng.

C. Năng lực nghề nghiệp chưa đáp ứng nhu cầu công việc.

D. Lệch lạc hành vi, lối sống.

**Câu** 215. Quản lý giáo dục còn nhiều bất cập là do:

A. Chính sách giáo dục thiếu đồng bộ, sự phối hợp quản lý chưa chặt chẽ, nguồn lực tài chính chưa hợp lý.

B. Sự phối hợp quản lý chưa chặt chẽ.

C. Nguồn lực tài chính chưa hợp lý.

D. Chính sách giáo dục thiếu đồng bộ.

**Câu** 216. Lao động đã qua đào tạo là những người:

A. Có bằng nghề hay bằng trung cấp nghề hoặc bằng cao đẳng

B. Có chứng chỉ nghề hay bằng trung cấp hoặc đang học cao đẳng

C. Có bằng trung học cơ sở hay có bằng trung học phổ thông hoặc có bằng trung cấp

D. Đang học cao đẳng nghề hay đang học trung cấp nghề hoặc đang học trung cấp chuyên nghiệp

**Câu** 217. Quy mô đào tạo của trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long xác định trên cơ sở:

A. Tổng số sinh viên đang học tại trường kể cả khóa mới vào trường

B. Tổng số sinh viên tốt nghiệp ra trường và đang học tại trường

C. Tổng số sinh viên các lớp mới tuyển sinh vào trường

D. Tổng số sinh viên tốt nghiệp ra trường và đang học tại trường kể cả khóa mới vào trường

**Câu** 218. Những việc làm sau đây gọi là xã hội hóa giáo dục:

A. Người dân hiến đất xây trường học; Các tổ chức kinh tế - xã hội xây dựng trường ngoài công lập; Công ty ủng hộ quỹ khuyến học.

B. Nhà nước mở trường học; Công ty ủng hộ quỹ khuyến học; Doanh nghiệp hỗ trợ kinh phí cho người học có hoàn cảnh khó khăn.

C. Người dân hiến đất xây trường học; Doanh nghiệp hỗ trợ kinh phí cho người học; Phụ huynh tích cực đưa con cháu trong độ tuổi đến trường.

D. Các tổ chức kinh tế - xã hội xây dựng trường ngoài công lập; Doanh nghiệp hỗ trợ kinh phí cho người học có hoàn cảnh khó khăn; Những người trong độ tuổi đều đi học.

**Câu** 219. Một bộ phận nhà giáo và cán bộ quản lý chưa đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ giáo dục trong thời kỳ mới là do:

A. Đội ngũ nhà giáo vừa thừa, vừa thiếu; trình độ sau đại học còn thấp; nhà giáo còn thiếu trách nhiệm, vi phạm đạo đức, lối sống.

B. Trình độ sau đại học còn thấp.

C. Nhà giáo còn thiếu trách nhiệm, vi phạm đạo đức, lối sống.

D. Đội ngũ nhà giáo vừa thừa, vừa thiếu.

**Câu** 220. Nội dung chương trình, phương pháp dạy và học, công tác thi, kiểm tra, đánh giá chậm đổi mới là do:

A. Nội dung còn nặng về lý thuyết, phương pháp dạy học lạc hậu, chưa chú trọng giáo dục kỹ năng sống, phát huy tính sáng tạo.

B. Chưa chú trọng giáo dục kỹ năng sống, phát huy tính sáng tạo.

C. Phương pháp dạy học lạc hậu

D. Nội dung còn nặng về lý thuyết